

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA

KỲ THI NGÀY 21/12/2025

Địa điểm thi:

Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN (131 Lương Nhữ Hộc, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng) - TẦNG 4

Thời gian các ca thi:

Ca 1: 7h00 - 11h30; Ca 2: 13h00 – 17h00, Ca 3: 17h30 - 21h00

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường	
1	211201	Nguyễn Hồ Văn	Anh	26/08/2003	211121006402	Kon Tum	47K06.4	1	01(A401)	ĐHKT
2	211202	Võ Thị Quỳnh	Châu	29/05/2004	221121514203	Quảng Ngãi	48K14.2	1	01(A401)	ĐHKT
3	211203	Trần Lê Việt	Dũng	17/11/2004	221120919109	Quảng Nam	48K19	1	01(A401)	ĐHKT
4	211204	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/08/2003	221121726118	Đắk Lắk	48K26	1	01(A401)	ĐHKT
5	211205	Nguyễn Nhật	Hoàng	24/11/2003	211121120120	Thừa Thiên Huế	47K20	1	01(A401)	ĐHKT
6	211206	Nguyễn Mai	Hương	18/04/2004	221121018414	Quảng Nam	48K18.4	1	01(A401)	ĐHKT
7	211207	Ngô Đình	Huy	12/02/1999	171122015209	Đà Nẵng	43K15.2	1	01(A401)	ĐHKT
8	211208	Vương Thị Mỹ	Lệ	08/01/2004	221121521121	Quảng Nam	48K21.1	1	01(A401)	ĐHKT
9	211209	Võ Thị Thùy	Linh	29/02/2004	221121726123	Quảng Nam	48K26	1	01(A401)	ĐHKT
10	211210	Lê Như	Lợi	09/08/2003	211121521125	Thừa Thiên Huế	47K21.1	1	01(A401)	ĐHKT
11	211211	Nguyễn Công Thanh	Mỹ	21/07/2004	221121514220	Quảng Nam	48K14.2	1	01(A401)	ĐHKT
12	211212	Hồ Thị Hồng	Ngọc	14/10/2003	221121723325	Đà Nẵng	48K23.3	1	01(A401)	ĐHKT
13	211213	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/03/2003	211121302230	Đà Nẵng	47K02.2	1	01(A401)	ĐHKT
14	211214	Nguyễn Đức Anh	Pháp	19/09/2003	211121521135	Đà Nẵng	47K21.1	1	01(A401)	ĐHKT
15	211215	Võ Thị Kim	Phượng	18/06/2005	231120913135	Đà Nẵng	49K13.1	1	01(A401)	ĐHKT
16	211216	Đinh Nguyễn Như	Thảo	09/05/2005	231121209127	Thừa Thiên Huế	49K09	1	01(A401)	ĐHKT
17	211217	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	19/10/2004	221124022241	Đà Nẵng	48K22.2	1	01(A401)	ĐHKT
18	211218	Nguyễn Minh	Thư	05/05/2004	221120913246	Đà Nẵng	48K13.2	1	01(A401)	ĐHKT
19	211219	Hoàng Thị Thu	Thủy	10/10/2004	221121514235	Quảng Bình	48K14.2	1	01(A401)	ĐHKT
20	211220	Phan Hồng Tuyết	Trâm	03/12/2003	211121521148	Đà Nẵng	47K21.1	1	01(A401)	ĐHKT
21	211221	Đoàn Thành Tất	Tú	09/11/2004	221121120158	Bình Dương	48K20	1	01(A401)	ĐHKT
22	211222	Trần Thị Bích	Tuyền	02/01/2004	221121514240	Quảng Nam	48K14.2	1	01(A401)	ĐHKT
23	211223	Huỳnh Minh	Vũ	26/05/2003	211121104130	Đà Nẵng	47K04	1	01(A401)	ĐHKT
24	211224	Alăng Thị	Ái	10/04/2004	3230122161		22SMN2	1	01(A401)	ĐHSP
25	211225	Đặng Ngọc	An	13/03/2004	3160622001		22SGT	1	01(A401)	ĐHSP
26	211226	Lưu Nguyễn Bình	An	07/10/2004	3140722001		22SKT2	1	01(A401)	ĐHSP
27	211227	Nguyễn Đức	An	30/11/2004	3160622002		22SGT	1	01(A401)	ĐHSP
28	211228	Trần Thị	An	21/03/2004	3150122001		22SS	1	01(A401)	ĐHSP
29	211229	Hồ Minh Tịnh	Ân	23/02/2001	3220121253		21STH6	1	02(A402)	ĐHSP
30	211230	Mai Huỳnh Gia	Ân	09/06/2004	3160422001		22SAN	1	02(A402)	ĐHSP
31	211231	Bùi Lan	Anh	11/04/2004	3190122001		22SDL	1	02(A402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
32	211232	Đặng Kiều Anh	06/09/2004	3140122002		22SHH	1	02(A402)	ĐHSP
33	211233	Đào Thị Lan Anh	24/08/2004	3220122005		22STH3	1	02(A402)	ĐHSP
34	211234	Đoàn Thị Tú Anh	28/05/2005	3180223001		23CVNH2	1	02(A402)	ĐHSP
35	211235	Hoàng Thị Hoài Anh	24/12/2003	3220122008		22STH3	1	02(A402)	ĐHSP
36	211236	Hoàng Thị Phương Anh	25/08/2004	3140722003		22SKT1	1	02(A402)	ĐHSP
37	211237	Lê Hoàng Phương Anh	22/10/2006	3220124006		24STH6	1	02(A402)	ĐHSP
38	211238	Lê Quang Việt Anh	17/12/2003	3180721038		21SLD	1	02(A402)	ĐHSP
39	211239	Lê Thị Vân Anh	11/06/2006	3180724002		24SLD2	1	02(A402)	ĐHSP
40	211240	Lê Trung Anh	28/08/2004	3220222003		22STC	1	02(A402)	ĐHSP
41	211241	Nguyễn Hoàng Anh	24/08/2005	3220123010		23STH3	1	02(A402)	ĐHSP
42	211242	Nông Thị Lan Anh	15/02/2004	3200222007		22CTL	1	02(A402)	ĐHSP
43	211243	Phan Hoàng Khiếu Anh	17/08/2004	3120222003		22CNTT2	1	02(A402)	ĐHSP
44	211244	Võ Hoàng Ngọc Anh	07/08/2005	3200323009		23CTXH	1	02(A402)	ĐHSP
45	211245	Dương Ngọc Ánh	18/06/2004	3170122004		22SNV2	1	02(A402)	ĐHSP
46	211246	Lê Thị Ngọc Ánh	16/08/2003	3230121043		21SMN4	1	02(A402)	ĐHSP
47	211247	Nguyễn Xuân Bắc	09/06/2002	3150422001		22CNSH	1	02(A402)	ĐHSP
48	211248	Alăng Bằng	07/01/2003	3140122004		22SHH	1	02(A402)	ĐHSP
49	211249	Lâm Gia Bảo	12/10/2004	3170222005		22CVH	1	02(A402)	ĐHSP
50	211250	Nguyễn Hồ Quốc Bảo	22/09/2004	3150322001		22CTM	1	02(A402)	ĐHSP
51	211251	Nguyễn Vũ Trường Bình	19/07/2004	3190422006		22CDDL	1	02(A402)	ĐHSP
52	211252	Trần Thị Bình	04/02/2004	3180522003		22CLS	1	02(A402)	ĐHSP
53	211253	Huỳnh Ngọc Bôn	15/03/2004	3160622005		22SGT	1	02(A402)	ĐHSP
54	211254	Phạm Văn Bưởi	01/06/2004	3140122006		22SHH	1	02(A402)	ĐHSP
55	211255	Đỗ Quang Ca	10/05/2004	3180222008		22CVNH2	1	02(A402)	ĐHSP
56	211256	Dương Đình Cấn	11/03/2004	3190422007		22CDDL	1	02(A402)	ĐHSP
57	211257	Nguyễn Ngọc Châu	24/12/2000	3190118004		18SDL	1	03(A403)	ĐHSP
58	211258	Nguyễn Thị Châu	16/11/2004	3220122025		22STH6	1	03(A403)	ĐHSP
59	211259	Trương Thị Bảo Châu	29/01/2004	3170422005		22CBC2	1	03(A403)	ĐHSP
60	211260	Dương Ngọc Chi	31/07/2004	3160522006		22SCD	1	03(A403)	ĐHSP
61	211261	Nguyễn Kim Chi	17/11/2004	3200222010		22CTL	1	03(A403)	ĐHSP
62	211262	Y Chi	20/07/2004	3220123440		23STH6	1	03(A403)	ĐHSP
63	211263	Đoàn Công Chín	16/11/2004	3120222011		22CNTT1	1	03(A403)	ĐHSP
64	211264	Rơ Lan Chúc	13/04/2004	3220122033		22STH1	1	03(A403)	ĐHSP
65	211265	Đoàn Ngọc Cường	05/08/2004	3120222014		22CNTT1	1	03(A403)	ĐHSP
66	211266	Nguyễn Đại	06/01/2003	3140122008		22SHH	1	03(A403)	ĐHSP
67	211267	La Tú Dân	16/12/2005	3220223007		23STC	1	03(A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
68	211268	Trần Thị Lin	Đan	04/01/2002	3180220103		20CVNH2	1	03(A403)	ĐHSP
69	211269	Đặng Thị Túy	Đào	15/05/2004	3200222013		22CTL	1	03(A403)	ĐHSP
70	211270	Đặng Tấn	Đạt	27/09/2004	3180722009		22SLD1	1	03(A403)	ĐHSP
71	211271	Nguyễn Hữu	Đạt	01/11/2000	3120418001		18CNTTC	1	03(A403)	ĐHSP
72	211272	Nguyễn Xuân Thành	Đạt	29/12/2004	3170422010		22CBC1	1	03(A403)	ĐHSP
73	211273	Hoàng Ánh	Diễm	26/09/2005	3230123023		23SMN1	1	03(A403)	ĐHSP
74	211274	Nguyễn Thị Xuân	Diện	06/01/2004	3220222010		22STC	1	03(A403)	ĐHSP
75	211275	Trịnh Mai Linh	Đoan	04/11/2006	3220224009		24STC1	1	03(A403)	ĐHSP
76	211276	Nguyễn	Đức	09/04/2003	3160622006		22SGT	1	03(A403)	ĐHSP
77	211277	Đào Hoàng Thùy	Dung	06/08/2004	3150322005		22CTM	1	03(A403)	ĐHSP
78	211278	Hoàng Thùy	Dung	25/05/2004	3180122007		22SLS	1	03(A403)	ĐHSP
79	211279	Lê Thị Kim	Dung	19/12/2004	3170222015		22CVH	1	03(A403)	ĐHSP
80	211280	Nguyễn Phương	Dung	29/01/2005	3230123026		23SMN4	1	03(A403)	ĐHSP
81	211281	Võ Thị Khánh	Dung	14/06/2004	3180722015		22SLD2	1	03(A403)	ĐHSP
82	211282	Lê Văn	Dũng	22/12/2004	3120222021		22CNTT1	1	03(A403)	ĐHSP
83	211283	Nguyễn Thị	Dương	30/03/2004	3220122041		22STH4	1	03(A403)	ĐHSP
84	211284	Trần Thị Thùy	Dương	03/06/2005	3220123068		23STH4	1	03(A403)	ĐHSP
85	211285	Bùi Vũ Nhật	Duy	22/01/2004	3120222023		22CNTT1	1	04(B401)	ĐHSP
86	211286	Nguyễn Văn	Duy	21/03/2001	3190420008		20CDDL2	1	04(B401)	ĐHSP
87	211287	Lê Thị Thùy	Duyên	09/07/2004	3200222020		22CTL	1	04(B401)	ĐHSP
88	211288	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	3170422015		22CBC1	1	04(B401)	ĐHSP
89	211289	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	30/04/2004	3180222022		22CVNH2	1	04(B401)	ĐHSP
90	211290	Trần Phạm Thùy	Duyên	02/06/2004	3200322011		22CTXH	1	04(B401)	ĐHSP
91	211291	Trương Thị Mỹ	Duyên	08/01/2004	3180122008		22SLS	1	04(B401)	ĐHSP
92	211292	Cao Thị Hương	Giang	17/10/1999	3180217035		17CVNH1	1	04(B401)	ĐHSP
93	211293	Lê Thị Hoài	Giang	08/02/2004	3170422016		22CBC2	1	04(B401)	ĐHSP
94	211294	Lê Thị Trà	Giang	22/01/2003	3230122018		22SMN3	1	04(B401)	ĐHSP
95	211295	Nguyễn Thị Lê	Giang	16/02/2004	3220222013		22STC	1	04(B401)	ĐHSP
96	211296	Võ Thị Hương	Giang	05/08/2004	3220122059		22STH3	1	04(B401)	ĐHSP
97	211297	Đặng Thanh	Hà	02/01/2004	3220122061		22STH1	1	04(B401)	ĐHSP
98	211298	Lê Việt	Hà	14/09/2005	3110123022		23ST1	1	04(B401)	ĐHSP
99	211299	Ngô Thị Thu	Hà	20/04/2004	3140322013		22CHD	1	04(B401)	ĐHSP
100	211300	Nguyễn Thị Ngân	Hà	19/04/2004	3230122027		22SMN3	1	04(B401)	ĐHSP
101	211301	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/03/2004	3220122067		22STH2	1	04(B401)	ĐHSP
102	211302	Phạm Thị	Hà	22/05/2004	3170122028		22SNV2	1	04(B401)	ĐHSP
103	211303	Đào Lê	Hạ	05/06/2004	3130122014		22SVL	1	04(B401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
104	211304	Dương Hiền	Hải	22/08/2003		21CNTT3	1	04(B401)	ĐHSP
105	211305	Nguyễn Đại	Hải	01/07/2002		20CTL2	1	04(B401)	ĐHSP
106	211306	Phạm Thị Hồng	Hải	30/01/2001		19CDDL	1	04(B401)	ĐHSP
107	211307	Nguyễn Nho Nhật	Hân	22/10/2004		22SS	1	04(B401)	ĐHSP
108	211308	Y	Hân	15/03/2004		22SLD1	1	04(B401)	ĐHSP
109	211309	Cao Thị Phụng	Hằng	26/09/2004		22SMN3	1	04(B401)	ĐHSP
110	211310	Dương Thúy	Hằng	20/10/2004		22SLD2	1	04(B401)	ĐHSP
111	211311	Nguyễn Thị	Hằng	21/03/2004		22STH2	1	04(B401)	ĐHSP
112	211312	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	11/04/2004		22SNV2	1	04(B401)	ĐHSP
113	211313	Đinh Thị Y	Hạnh	15/04/2004		22SNV2	1	05(B402)	ĐHSP
114	211314	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	15/03/2004		22SKT1	1	05(B402)	ĐHSP
115	211315	Vũ Văn	Hạnh	25/10/2004		22SDL	1	05(B402)	ĐHSP
116	211316	Võ Văn Anh	Hào	24/10/2004		22CDDL	1	05(B402)	ĐHSP
117	211317	Y	Hậu	06/09/2004		22SMN2	1	05(B402)	ĐHSP
118	211318	Hồ Thị Thanh	Hiền	28/10/2004		22CDDL	1	05(B402)	ĐHSP
119	211319	Ngô Thị Kim	Hiền	09/09/2004		22CBC2	1	05(B402)	ĐHSP
120	211320	Trần Thị Kim	Hiền	28/03/2005		23ST1	1	05(B402)	ĐHSP
121	211321	Nguyễn Thị	Hiền	14/01/2004		22SMN1	1	05(B402)	ĐHSP
122	211322	Đặng Hoàng	Hiệp	17/05/2004		22CNTT1	1	05(B402)	ĐHSP
123	211323	Đặng Hữu	Hiệp	10/03/2002		22SHH	1	05(B402)	ĐHSP
124	211324	Dương Thị Thu	Hiếu	26/06/2004		22SMN2	1	05(B402)	ĐHSP
125	211325	Dương Trung	Hiếu	30/04/2004		22CNTTC	1	05(B402)	ĐHSP
126	211326	Phùng Thị Thanh	Hoan	13/07/2004		22SMN3	1	05(B402)	ĐHSP
127	211327	Cao Thị	Hoàn	04/08/2004		22STH6	1	05(B402)	ĐHSP
128	211328	Trịnh Huy	Hoàng	13/11/2004		22SAN	1	05(B402)	ĐHSP
129	211329	Nguyễn	Hội	01/07/1995		22SGC	1	05(B402)	ĐHSP
130	211330	Lê Thị Mỹ	Hồng	02/09/2003		22STC	1	05(B402)	ĐHSP
131	211331	Ngô Thị	Hồng	20/03/2004		22SMN2	1	05(B402)	ĐHSP
132	211332	Y	Hồng	19/07/2003		21SGC	1	05(B402)	ĐHSP
133	211333	Âu Thị	Huệ	20/01/2004		22STH4	1	05(B402)	ĐHSP
134	211334	Hồ Thị Kim	Huệ	12/08/2005		23SMN1	1	05(B402)	ĐHSP
135	211335	Lê Hữu	Hùng	16/09/2003		21CDDL	1	05(B402)	ĐHSP
136	211336	Nguyễn Ngọc Vũ	Hưng	07/10/2004		22CVNH1	1	05(B402)	ĐHSP
137	211337	Nguyễn Văn	Hưng	01/11/2005		23SLD1	1	05(B402)	ĐHSP
138	211338	Trần Lâm	Hưng	12/12/2004		22CVHH	1	05(B402)	ĐHSP
139	211339	Nguyễn Ngọc	Hương	10/03/2004		22SLD2	1	05(B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
140	211340	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20/02/2004	3220222022	22STC	1	05(B402)	ĐHSP
141	211341	Nguyễn Trần Thủy	Hương	24/03/2004	3160522017	22SCD	1	06(B403)	ĐHSP
142	211342	Đình Quốc	Huy	04/04/2004	3120222047	22CNTT1	1	06(B403)	ĐHSP
143	211343	Đồng Văn	Huy	04/10/2004	3120222048	22CNTT2	1	06(B403)	ĐHSP
144	211344	Giao Bảo	Huy	23/06/2003	3190421062	21CDDL	1	06(B403)	ĐHSP
145	211345	Lê Tuấn	Huy	08/02/2004	3130122024	22SVL	1	06(B403)	ĐHSP
146	211346	Nguyễn Văn	Huy	29/10/2002	3190122020	22SDL	1	06(B403)	ĐHSP
147	211347	Trương Công Nguyễn Quốc	Huy	01/02/2004	3150322006	22CTM	1	06(B403)	ĐHSP
148	211348	Bùi Thu	Huyền	04/04/2005	3170123039	23SNV2	1	06(B403)	ĐHSP
149	211349	Đào Thị Thu	Huyền	30/05/2003	3220122103	22STH4	1	06(B403)	ĐHSP
150	211350	Hoàng Thị	Huyền	19/11/2004	3170122041	22SNV2	1	06(B403)	ĐHSP
151	211351	Hoàng Thị Thu	Huyền	19/12/2004	3220122108	22STH6	1	06(B403)	ĐHSP
152	211352	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	13/07/2005	3230123064	23SMN3	1	06(B403)	ĐHSP
153	211353	Nguyễn Khánh	Huyền	28/09/2004	3180722028	22SLD2	1	06(B403)	ĐHSP
154	211354	Trần Thị Diệu	Huyền	08/11/2005	3120123016	23SPT	1	06(B403)	ĐHSP
155	211355	Trần Thị Phương	Huyền	05/06/2004	3180122018	22SLS	1	06(B403)	ĐHSP
156	211356	Võ Thị Thu	Huyền	18/04/2006	3180724031	24SLD2	1	06(B403)	ĐHSP
157	211357	Nguyễn Đăng Gia	Hy	21/11/2004	3170122046	22SNV1	1	06(B403)	ĐHSP
158	211358	Nay H'	Jũh	12/02/2004	3170422031	22CBC1	1	06(B403)	ĐHSP
159	211359	Nguyễn Đình	Khang	31/08/2003	3130122026	22SVL	1	06(B403)	ĐHSP
160	211360	Lê Xuân	Khánh	03/11/2004	3180222042	22CVNH1	1	06(B403)	ĐHSP
161	211361	Nguyễn Chí Lâm	Khánh	15/11/2005	3110123045	23ST1	1	06(B403)	ĐHSP
162	211362	Nguyễn Phước	Khoa	09/09/2002	3120220233	20CNTT2	1	06(B403)	ĐHSP
163	211363	Trần Minh	Khoa	20/07/2006	3180524030	24CLS	1	06(B403)	ĐHSP
164	211364	Hồ Thanh Thị	Khuyên	21/10/2004	3230122050	22SMN2	1	06(B403)	ĐHSP
165	211365	Võ Thị Minh	Khuyên	17/11/2004	3120222062	22CNTT2	1	06(B403)	ĐHSP
166	211366	Dương Thị Thúy	Kiều	28/03/2003	3220122118	22STH4	1	06(B403)	ĐHSP
167	211367	Nguyễn Thị Như	Kiều	21/06/2003	3120221202	21CNTTC	1	06(B403)	ĐHSP
168	211368	Lê Thị	Kỷ	11/04/2005	3180723033	23SLD2	1	06(B403)	ĐHSP
169	211369	Đặng Thị Phương	Lan	16/08/2004	3180222046	22CVNH1	1	07(C402)	ĐHSP
170	211370	Cao Thị An	Lãnh	17/10/1999	3190417045	17CDDL1	1	07(C402)	ĐHSP
171	211371	Trần Thị	Lên	20/04/2004	3230122056	22SMN2	1	07(C402)	ĐHSP
172	211372	Hồ Thị Phương	Liên	01/08/2003	3160121027	21SGC	1	07(C402)	ĐHSP
173	211373	Lê Thị	Liên	12/12/2001	3170220026	20CVH	1	07(C402)	ĐHSP
174	211374	Nguyễn Thị Thu	Liên	02/12/2004	3170422034	22CBC2	1	07(C402)	ĐHSP
175	211375	Vũ Phương	Liên	20/10/2005	3110123048	23ST1	1	07(C402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
176	211376	Hồ Thị Mỹ	Linh	06/12/2003		21CTXH	1	07(C402)	ĐHSP
177	211377	Lê Hiền Tú	Linh	28/11/2004		22SNV2	1	07(C402)	ĐHSP
178	211378	Lê Trần Ánh	Linh	05/03/2004		22SLD2	1	07(C402)	ĐHSP
179	211379	Lê Trần Khánh	Linh	24/10/2001		19CTLC	1	07(C402)	ĐHSP
180	211380	Nguyễn Thị Thùy	Linh	20/04/2004		22SCD	1	07(C402)	ĐHSP
181	211381	Trần Thị Thùy	Linh	07/06/2001		19CVNHC	1	07(C402)	ĐHSP
182	211382	Y	Linh	10/03/2005		23STH3	1	07(C402)	ĐHSP
183	211383	Nguyễn Sơn	Lộc	20/02/2004		22SAN	1	07(C402)	ĐHSP
184	211384	Nguyễn Xuân	Lộc	25/05/2005		23SS	1	07(C402)	ĐHSP
185	211385	Trần Dương	Lộc	19/09/2003		21SLS	1	07(C402)	ĐHSP
186	211386	Lê Vỹ	Lợi	02/01/2004		22SLD1	1	07(C402)	ĐHSP
187	211387	Nguyễn Huỳnh Trọng	Luật	11/06/2006		24STC2	1	07(C402)	ĐHSP
188	211388	Lê Như	Luyến	25/06/2005		23STC	1	07(C402)	ĐHSP
189	211389	Dương Thị Mỹ	Ly	07/09/2004		22CBC2	1	07(C402)	ĐHSP
190	211390	Lê Ngọc Ánh	Ly	06/04/2004		22STH6	1	07(C402)	ĐHSP
191	211391	Nguyễn Khánh	Ly	30/09/2004		22SKT2	1	07(C402)	ĐHSP
192	211392	Nguyễn Thị Ly	Ly	26/06/2004		22SS	1	07(C402)	ĐHSP
193	211393	Trần Khánh	Ly	02/06/2004		22CVH	1	07(C402)	ĐHSP
194	211394	Hoàng Công	Lý	10/11/2002		22SLD2	1	07(C402)	ĐHSP
195	211395	Nguyễn Thị	Lý	28/02/2004		22STH1	1	07(C402)	ĐHSP
196	211396	Phùng Thị Như	Lý	20/01/2005		23STC	1	07(C402)	ĐHSP
197	211397	Nguyễn Trần Phương	Mai	29/09/2004		22STH1	1	08(C401)	ĐHSP
198	211398	Phạm Thu	Mai	18/10/2004		23STH3	1	08(C401)	ĐHSP
199	211399	Y Ngọc	Mai	31/05/2004		22STH4	1	08(C401)	ĐHSP
200	211400	Châu Huệ	Mẫn	08/09/2004		22CBC2	1	08(C401)	ĐHSP
201	211401	Lê Võ Hoàng	Mi	16/08/2004		22CVNH2	1	08(C401)	ĐHSP
202	211402	Lê Bảo Ánh	Minh	12/04/2004		22SLD1	1	08(C401)	ĐHSP
203	211403	Phạm Viết Văn	Minh	02/10/2004		22SLD2	1	08(C401)	ĐHSP
204	211404	Trương Công	Minh	05/09/2002		22SDL	1	08(C401)	ĐHSP
205	211405	Phạm Thị Hồng	Mơ	05/09/2004		22SMN1	1	08(C401)	ĐHSP
206	211406	Đặng Thị Trà	My	12/05/2004		22SLD2	1	08(C401)	ĐHSP
207	211407	Đinh Thị	My	16/06/2004		22SKT1	1	08(C401)	ĐHSP
208	211408	Hoàng Trà	My	25/10/2006		24SLD2	1	08(C401)	ĐHSP
209	211409	Huỳnh Trần Diễm	My	21/06/2004		22STC	1	08(C401)	ĐHSP
210	211410	Lê Thị Diễm	My	30/08/2004		22SPT	1	08(C401)	ĐHSP
211	211411	Nguyễn Thị Nhật	My	15/09/2001		20CNTT1	1	08(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
212	211412	Phạm Thị Huyền	My	24/05/2004	3190422033	22CDDL	1	08(C401)	ĐHSP
213	211413	Phạm Thị Kiều	My	11/05/2006	3180724048	24SLD2	1	08(C401)	ĐHSP
214	211414	Phan Thị Trà	My	01/02/2005	3220224037	24STC2	1	08(C401)	ĐHSP
215	211415	Trần Thị Diễm	My	15/10/2004	3140722055	22SKT1	1	08(C401)	ĐHSP
216	211416	Trần Thị Út	My	16/01/2004	3120222081	22CNTT2	1	08(C401)	ĐHSP
217	211417	Chu Thị Ngọc	Mỹ	04/07/2001	3180619028	19CVNHC	1	08(C401)	ĐHSP
218	211418	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	12/06/2006	3140324025	24CHD	1	08(C401)	ĐHSP
219	211419	Avô Thị Aly	Na	21/06/2004	3160122015	22SGC	1	08(C401)	ĐHSP
220	211420	Nguyễn Thị	Na	26/06/2004	3120222082	22CNTT1	1	08(C401)	ĐHSP
221	211421	Trần Ly	Na	18/02/2004	3180222069	22CVNH1	1	08(C401)	ĐHSP
222	211422	Võ Ly	Na	19/05/2004	3160422027	22SAN	1	08(C401)	ĐHSP
223	211423	Hồ Việt	Nam	30/03/2002	3170420265	20CBC1	1	08(C401)	ĐHSP
224	211424	Đoàn Thị	Nga	22/02/2004	3120222083	22CNTT2	1	08(C401)	ĐHSP
225	211425	Lê Thị Tuyết	Nga	04/01/2004	3200222047	22CTL	1	08(C401)	ĐHSP
226	211426	Ngô Thị Thiên	Nga	14/08/2004	3160522026	22SCD	1	08(C401)	ĐHSP
227	211427	Trần Nguyễn Thị Thanh	Nga	26/12/2003	3160521065	21SCD	1	08(C401)	ĐHSP
228	211428	Võ Thị Hằng	Nga	12/03/2004	3170122062	22SNV1	1	08(C401)	ĐHSP
229	211429	Nguyễn Thị Như	Ngã	22/12/2004	3180222070	22CVNH1	1	08(C401)	ĐHSP
230	211430	Cao Thị Thanh	Ngân	16/06/2006	3180724053	24SLD2	1	08(C401)	ĐHSP
231	211431	Hồ Mai Tuyết	Ngân	15/04/2004	3130122035	22SVL	1	08(C401)	ĐHSP
232	211432	Hoàng Thảo	Ngân	20/04/2005	3220123231	23STH7	1	08(C401)	ĐHSP
233	211433	Lê Thị Hiếu	Ngân	10/08/2002	3170420268	20CBC2	1	08(C401)	ĐHSP
234	211434	Ngô Lê Kim	Ngân	05/04/2004	3140722059	22SKT2	1	08(C401)	ĐHSP
235	211435	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	12/01/2004	3170222041	22CVH	1	08(C401)	ĐHSP
236	211436	Nguyễn Ngọc	Ngân	13/05/2004	3170222042	22CVH	1	08(C401)	ĐHSP
237	211437	Nguyễn Ngọc Thu	Ngân	09/10/2003	3190422036	22CDDL	1	08(C401)	ĐHSP
238	211438	Nguyễn Phạm Kim	Ngân	17/03/2004	3180222071	22CVNH1	1	08(C401)	ĐHSP
239	211439	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	02/04/2004	3120222086	22CNTT2	1	08(C401)	ĐHSP
240	211440	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	13/07/2004	3160522030	22SCD	1	08(C401)	ĐHSP
241	211441	Trần Kim	Ngân	06/04/2004	3180222072	22CVNH2	1	08(C401)	ĐHSP
242	211442	Lê Bá	Nghĩa	19/08/2005	3110123064	23ST1	1	08(C401)	ĐHSP
243	211443	Alăng	Ngọc	10/08/2004	3220222036	22STC	1	08(C401)	ĐHSP
244	211444	Đoàn Lê Bảo	Ngọc	07/10/2005	3220123235	23STH4	1	08(C401)	ĐHSP
245	211445	Nguyễn Đặng Như	Ngọc	03/03/2004	3140722063	22SKT2	1	08(C401)	ĐHSP
246	211446	Nguyễn Xuân	Ngọc	08/11/2004	3180222075	22CVNH1	1	08(C401)	ĐHSP
247	211447	Vũ Thị	Ngọc	20/11/2004	3190422040	22CDDL	1	08(C401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
248	211448	Đặng Quang	Ngôn	24/04/2003		22CNTT1	1	08(C401)	ĐHSP
249	211449	Huỳnh Nhật Kim	Nguyên	16/07/2004		22CBC2	1	09(C404)	ĐHSP
250	211450	Lê Phạm Khánh	Nguyên	23/10/2003		21CVH	1	09(C404)	ĐHSP
251	211451	Nguyễn Dương	Nguyên	08/02/2002		22SKT2	1	09(C404)	ĐHSP
252	211452	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên	05/10/2002		22CTXH	1	09(C404)	ĐHSP
253	211453	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	13/05/2004		22SNV1	1	09(C404)	ĐHSP
254	211454	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/03/2004		22CVNH1	1	09(C404)	ĐHSP
255	211455	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	16/07/2004		22CDDL	1	09(C404)	ĐHSP
256	211456	Nguyễn Trần Đan	Nguyên	14/11/2002		21SMN3	1	09(C404)	ĐHSP
257	211457	Nhân Đức Khoa	Nguyên	08/10/2004		22CNTT1	1	09(C404)	ĐHSP
258	211458	Phan Lê Thảo	Nguyên	09/09/2004		23SLS	1	09(C404)	ĐHSP
259	211459	Hoàng Thị	Nguyệt	09/04/2003		21CTXH	1	09(C404)	ĐHSP
260	211460	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/04/2004		22SCD	1	09(C404)	ĐHSP
261	211461	Phơ Loong Thị Thu	Nguyệt	15/04/2004		22STH4	1	09(C404)	ĐHSP
262	211462	Trương Thị Ánh	Nguyệt	23/09/2004		22CVNH2	1	09(C404)	ĐHSP
263	211463	Lê Thành	Nhân	23/01/2005		23ST1	1	09(C404)	ĐHSP
264	211464	Bríu Thị Tuyết	Nhi	11/12/2004		22SMN3	1	09(C404)	ĐHSP
265	211465	Đoàn Ngọc Yến	Nhi	12/01/2004		22SNV2	1	09(C404)	ĐHSP
266	211466	Huỳnh Thị Yến	Nhi	04/11/2004		22CNTT2	1	09(C404)	ĐHSP
267	211467	Lê Thị Uyển	Nhi	01/08/2004		22STH1	1	09(C404)	ĐHSP
268	211468	Ngô Thị Ý	Nhi	18/06/2004		22CNTT1	1	09(C404)	ĐHSP
269	211469	Nguyễn Hoàng Uyên	Nhi	01/04/2004		22CNTT2	1	09(C404)	ĐHSP
270	211470	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	17/08/2004		22CDDL	1	09(C404)	ĐHSP
271	211471	Nguyễn Thị Yến	Nhi	30/10/2004		22SNV1	1	09(C404)	ĐHSP
272	211472	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/05/2004		22CVH	1	09(C404)	ĐHSP
273	211473	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/08/2005		23SMN2	1	09(C404)	ĐHSP
274	211474	Nguyễn Trần Vân	Nhi	21/03/2006		24STC2	1	09(C404)	ĐHSP
275	211475	Phan Thị Hoài	Nhi	28/01/2004		22SMN3	1	09(C404)	ĐHSP
276	211476	Trần Bảo	Nhi	02/06/2006		24STC2	1	09(C404)	ĐHSP
277	211477	Trần Thị Yến	Nhi	15/05/2005		23CTXH	1	09(C404)	ĐHSP
278	211478	Võ Tường	Nhi	01/11/2004		22SKT2	1	09(C404)	ĐHSP
279	211479	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	05/01/2004		22SMN1	1	09(C404)	ĐHSP
280	211480	Bùi Thái Quỳnh	Như	24/08/2004		22CBC1	1	09(C404)	ĐHSP
281	211481	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Như	01/01/2003		21CVH	1	09(C404)	ĐHSP
282	211482	Lê Thị Quỳnh	Như	04/07/2004		22SAN	1	09(C404)	ĐHSP
283	211483	Nguyễn Tăng Quỳnh	Như	23/05/2006		24STC1	1	09(C404)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
284	211484	Nguyễn Thái Tâm	Như	16/10/2004		22CVNH2	1	09(C404)	ĐHSP
285	211485	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	31/03/2006		24STC2	1	09(C404)	ĐHSP
286	211486	Thái Vũ Thanh	Như	01/01/2004		22SKT1	1	09(C404)	ĐHSP
287	211487	Hà Trang	Nhung	08/07/2004		22SLS	1	09(C404)	ĐHSP
288	211488	Hoàng Thị Thanh	Nhung	23/02/2004		22CVNH2	1	09(C404)	ĐHSP
289	211489	Lê Thị Thùy	Nhung	08/05/2004		22SMN2	1	09(C404)	ĐHSP
290	211490	Ngô Thị Hồng	Nhung	29/03/2002		23CTXH	1	09(C404)	ĐHSP
291	211491	Nguyễn Thị	Nhung	05/01/2003		21STH3	1	09(C404)	ĐHSP
292	211492	Trần Thị Cẩm	Nhung	08/11/2003		21CVNH1	1	09(C404)	ĐHSP
293	211493	Đặng Thị Phương	Ni	08/07/2004		22STC	1	09(C404)	ĐHSP
294	211494	H' Huyền	Niê	28/02/2001		19CBC2	1	09(C404)	ĐHSP
295	211495	Alăng Thị	Niên	12/01/2003		21STH4	1	09(C404)	ĐHSP
296	211496	Arâl Thị	Nụ	29/10/2004		22SMN2	1	09(C404)	ĐHSP
297	211497	Nguyễn Thị My	Ny	10/06/2004		22SPT	1	09(C404)	ĐHSP
298	211498	Arát Thị Kim	Oanh	24/04/2004		22SNV2	1	09(C404)	ĐHSP
299	211499	Bùi Thị	Oanh	04/08/2004		22CBC2	1	09(C404)	ĐHSP
300	211500	Nguyễn Hoàng	Oanh	15/04/2004		22SAN	1	09(C404)	ĐHSP
301	211501	Nguyễn Thị Kim	Oanh	04/10/1999		17CBC2	1	10(A201)	ĐHSP
302	211502	Nguyễn Thị Kim	Oanh	13/04/1999		17CBC2	1	10(A201)	ĐHSP
303	211503	Nguyễn Thị Trâm	Oanh	27/07/2005		23CTL1	1	10(A201)	ĐHSP
304	211504	Phạm Thị Kiều	Oanh	02/12/2004		22CDDL	1	10(A201)	ĐHSP
305	211505	Tổng Thị Mỹ	Oanh	10/07/2004		22CVNH2	1	10(A201)	ĐHSP
306	211506	Trịnh Thị	Oanh	16/02/2006		24STH6	1	10(A201)	ĐHSP
307	211507	Võ Văn	Phi	31/07/2004		22CVNH2	1	10(A201)	ĐHSP
308	211508	Lê Văn	Phong	12/07/2004		22CDDL	1	10(A201)	ĐHSP
309	211509	Trần Thanh	Phong	24/03/2004		22CNTT1	1	10(A201)	ĐHSP
310	211510	Hồ Lê Mỹ	Phúc	17/08/2003		21CVH	1	10(A201)	ĐHSP
311	211511	Lê Thị Ngọc	Phúc	01/01/2004		22CVH	1	10(A201)	ĐHSP
312	211512	Phan Huy	Phúc	16/06/2005		23ST1	1	10(A201)	ĐHSP
313	211513	Trần Duy	Phúc	28/10/2005		24CKDL	1	10(A201)	ĐHSP
314	211514	Trần Minh	Phúc	22/08/2000		19CNTTC	1	10(A201)	ĐHSP
315	211515	Trần Việt	Phúc	06/01/2004		22CNTT2	1	10(A201)	ĐHSP
316	211516	Đỗ Ngọc	Phụng	03/11/2004		22SDL	1	10(A201)	ĐHSP
317	211517	Hồ Gia	Phụng	22/11/2000		22CVHH	1	10(A201)	ĐHSP
318	211518	Đặng Thị Nhã	Phương	22/04/2005		23SMN2	1	10(A201)	ĐHSP
319	211519	Đặng Thị Thu	Phương	28/05/2004		22CBC1	1	10(A201)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
320	211520	Đỗ Thị Đoan	Phương	20/07/2004	3180722071	22SLD2	1	10(A201)	ĐHSP
321	211521	Nguyễn Thị Kim	Phương	09/08/2002	3150322011	22CTM	1	10(A201)	ĐHSP
322	211522	Phùng Trần Thu	Phương	30/06/2004	3230122165	22SMN1	1	10(A201)	ĐHSP
323	211523	Trần Nguyễn Uyên	Phương	15/05/2004	3180222098	22CVNH1	1	10(A201)	ĐHSP
324	211524	Tán Lê Cát	Phượng	28/01/2004	3230122101	22SMN2	1	10(A201)	ĐHSP
325	211525	Võ Hoàng	Quốc	06/01/2004	3160422044	22SAN	1	10(A201)	ĐHSP
326	211526	Châu Thị Lệ	Quyên	16/02/2004	3220122222	22STH2	1	10(A201)	ĐHSP
327	211527	Hồ Kim	Quyên	07/02/2004	3170222061	22CVH	1	10(A201)	ĐHSP
328	211528	Lê Diệu	Quyên	02/04/2004	3160522039	22SCD	1	10(A201)	ĐHSP
329	211529	Lưu Thị Đỗ	Quyên	15/11/2004	3230122104	22SMN2	1	10(A201)	ĐHSP
330	211530	Y	Quyên	07/10/2005	3220123299	23STH3	1	10(A201)	ĐHSP
331	221281	Phạm Thanh	Tài		103200136	20C4CLC2	1	10(A201)	ĐHBK
332	211531	Bùi Như	Quỳnh	09/12/2003	3180222102	22CVNH1	2	11(A401)	ĐHSP
333	211532	Nguyễn Hồ Trúc	Quỳnh	17/08/2003	3200322040	22CTXH	2	11(A401)	ĐHSP
334	211533	Nguyễn Phan Hương	Quỳnh	13/01/2004	3180122041	22SLS	2	11(A401)	ĐHSP
335	211534	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	12/06/2004	3180722076	22SLD1	2	11(A401)	ĐHSP
336	211535	Phan Mai Diễm	Quỳnh	10/09/2004	3150322012	22CTM	2	11(A401)	ĐHSP
337	211536	Trần Thị Trúc	Quỳnh	06/05/2004	3230122105	22SMN3	2	11(A401)	ĐHSP
338	211537	Hà Thị Hoàng	Sa	16/10/2004	3220222048	22STC	2	11(A401)	ĐHSP
339	211538	Thái Nguyễn	Sơn	27/07/2005	3240423050	23SAN	2	11(A401)	ĐHSP
340	211539	Lê Ngọc	Sương	16/06/2004	3220122232	22STH1	2	11(A401)	ĐHSP
341	211540	Nguyễn Văn	Sỹ	24/08/2004	3190422057	22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
342	211541	Nguyễn Văn	Sỹ	22/12/2002	3180620008	20CVNHC	2	11(A401)	ĐHSP
343	211542	Hà Anh	Tài	03/07/2000	3170618012	18CBCC	2	11(A401)	ĐHSP
344	211543	Đinh Thị	Tám	09/06/2003	3170121172	21SNV2	2	11(A401)	ĐHSP
345	211544	Hà Thị Thanh	Tâm	10/02/2004	3160522043	22SCD	2	11(A401)	ĐHSP
346	211545	Huỳnh Thị Nhật	Tâm	01/07/2004	3120122024	22SPT	2	11(A401)	ĐHSP
347	211546	Lương Lê Mỹ	Tâm	04/06/2004	3190422058	22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
348	211547	Nguyễn Mỹ	Tâm	09/03/2004	3180722081	22SLD1	2	11(A401)	ĐHSP
349	211548	Nguyễn Nhã	Tâm	27/11/2004	3190422059	22CDDL	2	11(A401)	ĐHSP
350	211549	Trần Thiện	Tâm	24/06/2004	3120122025	22SPT	2	11(A401)	ĐHSP
351	211550	Ta Cool	Táo	10/01/2003	3160121043	21SGC	2	11(A401)	ĐHSP
352	211551	Phạm Thị Thanh	Thái	21/02/2002	3170221143	21CVH	2	11(A401)	ĐHSP
353	211552	Võ Quang	Thắng	07/03/2003	3120221283	21CNTT3	2	11(A401)	ĐHSP
354	211553	Nguyễn Thanh	Tháng	30/09/2001	3160120062	20SGC	2	11(A401)	ĐHSP
355	211554	Huỳnh Thị Thanh	Thanh	06/12/2004	3230122108	22SMN3	2	11(A401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
356	211555	Lê Hà Thanh	04/12/2005	3220223053		23STC	2	11(A401)	ĐHSP
357	211556	Lê Phước Thành	19/01/2005	3180723088		23SLD1	2	11(A401)	ĐHSP
358	211557	Ksor H'	14/03/2004	3220223054		23STC	2	11(A401)	ĐHSP
359	211558	Đỗ Ngọc Hiếu	28/07/2004	3170222065		22CVH	2	11(A401)	ĐHSP
360	211559	Đỗ Thị Thanh	17/05/2004	3180222111		22CVNH1	2	12(A402)	ĐHSP
361	211560	Hà Thị Lệ	31/07/2004	3180722086		22SLD2	2	12(A402)	ĐHSP
362	211561	Lê Thị Thanh	15/10/2004	3190422061		22CDDL	2	12(A402)	ĐHSP
363	211562	Nguyễn Hoàng Phương	01/09/2005	3200323063		23CTXH	2	12(A402)	ĐHSP
364	211563	Nguyễn Lục Thanh	02/05/2004	3220222050		22STC	2	12(A402)	ĐHSP
365	211564	Nguyễn Phương	16/01/2004	3230122110		22SMN2	2	12(A402)	ĐHSP
366	211565	Nguyễn Thị Phương	12/09/2004	3220122249		22STH1	2	12(A402)	ĐHSP
367	211566	Nguyễn Thị Thu	13/06/2004	3110122080		22ST1	2	12(A402)	ĐHSP
368	211567	Phan Thị Phương	18/09/2004	3170222066		22CVH	2	12(A402)	ĐHSP
369	211568	Phan Trần Vi	23/10/2004	3180722088		22SLD2	2	12(A402)	ĐHSP
370	211569	Trần Phương	20/07/2004	3190122045		22SDL	2	12(A402)	ĐHSP
371	211570	Trần Thị Thanh	12/02/2005	3190423069		23CDDL	2	12(A402)	ĐHSP
372	211571	Trần Thị Thiên	16/08/2004	3220222052		22STC	2	12(A402)	ĐHSP
373	211572	Lê Thị Diễm	15/12/2004	3200222075		22CTL	2	12(A402)	ĐHSP
374	211573	Nguyễn Thị Thanh	25/06/2004	3230122112		22SMN1	2	12(A402)	ĐHSP
375	211574	Phạm Duy	09/09/2005	3180123022		23SLS	2	12(A402)	ĐHSP
376	211575	Nguyễn Thị Anh	06/01/2004	3220122257		22STH3	2	12(A402)	ĐHSP
377	211576	Trần Thị	29/05/2004	3170122098		22SNV2	2	12(A402)	ĐHSP
378	211577	Trần Thị	15/02/2004	3220223058		23STC	2	12(A402)	ĐHSP
379	211578	Ngô Thị Bích	07/01/2004	3160422049		22SAN	2	12(A402)	ĐHSP
380	211579	Phan Thị Hoài	17/06/2004	3140722092		22SKT1	2	12(A402)	ĐHSP
381	211580	Tường Sông	19/06/2004	3230122115		22SMN1	2	12(A402)	ĐHSP
382	211581	Đỗ Anh	17/05/2004	3140322037		22CHD	2	12(A402)	ĐHSP
383	211582	Dương Phạm Minh	02/10/2004	3180222125		22CVNH1	2	12(A402)	ĐHSP
384	211583	Dương Thị Anh	27/09/2004	3230122116		22SMN2	2	12(A402)	ĐHSP
385	211584	Huỳnh Lê Anh	03/11/2005	3170423105		23CBC1	2	12(A402)	ĐHSP
386	211585	Lê Trần Minh	30/05/2004	3160422050		22SAN	2	12(A402)	ĐHSP
387	211586	Nguyễn Hòa Minh	16/12/2004	3150422029		22CNSH	2	12(A402)	ĐHSP
388	211587	Nguyễn Thị Anh	17/02/2004	3180222127		22CVNH2	2	13(A403)	ĐHSP
389	211588	Nguyễn Thị Minh	24/10/2003	3230122119		22SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
390	211589	Nguyễn Thị Oanh	26/05/2004	3170222070		22CVH	2	13(A403)	ĐHSP
391	211590	Phan Thị Ngọc	10/05/2004	3140722094		22SKT2	2	13(A403)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
392	211591	Trương Minh	Thư	06/06/2004	3180222131	22CVNH1	2	13(A403)	ĐHSP
393	211592	Nguyễn Đức	Thuận	31/07/2001	3160624038	24SGT	2	13(A403)	ĐHSP
394	211593	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	09/10/2004	3230122120	22SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
395	211594	Đào Nguyễn Văn	Thương	15/03/2004	3170222071	22CVH	2	13(A403)	ĐHSP
396	211595	Hà Thị Diệu	Thương	13/03/2003	3230122127	22SMN3	2	13(A403)	ĐHSP
397	211596	Hà Thị Hoài	Thương	12/01/2004	3180222132	22CVNH1	2	13(A403)	ĐHSP
398	211597	Lê Thị Lệ	Thương	07/05/2000	3170418168	18CBC1	2	13(A403)	ĐHSP
399	211598	Thái Đặng Hoài	Thương	20/11/2004	3180122052	22SLS	2	13(A403)	ĐHSP
400	211599	Võ Minh	Thương	06/09/2004	3170422084	22CBC1	2	13(A403)	ĐHSP
401	211600	Võ Thị	Thương	21/10/2004	3230122125	22SMN1	2	13(A403)	ĐHSP
402	211601	Lý Nguyễn Ngọc	Thùy	28/11/1999	3200217097	17CTL2	2	13(A403)	ĐHSP
403	211602	Nguyễn Thị	Thùy	08/01/2004	3180222134	22CVNH2	2	13(A403)	ĐHSP
404	211603	Lê Thị Hồng	Thúy	13/07/2004	3220122273	22STH5	2	13(A403)	ĐHSP
405	211604	Nguyễn Thị	Thúy	03/02/2004	3220122275	22STH6	2	13(A403)	ĐHSP
406	211605	Nguyễn Thị	Thúy	17/05/2004	3170122103	22SNV2	2	13(A403)	ĐHSP
407	211606	Phan Thanh	Thúy	24/10/2005	3230123171	23SMN2	2	13(A403)	ĐHSP
408	211607	Phùng Thanh	Thúy	13/02/2005	3110123093	23ST1	2	13(A403)	ĐHSP
409	211608	Trần Thị	Thúy	02/03/2004	3120222133	22CNTT2	2	13(A403)	ĐHSP
410	211609	Hà Phương	Thùy	10/06/2004	3130122050	22SVL	2	13(A403)	ĐHSP
411	211610	Võ Thị Thu	Thùy	27/06/2005	3230123168	23SMN3	2	13(A403)	ĐHSP
412	211611	Châu Thị	Thủy	01/12/2003	3230121217	21SMN4	2	13(A403)	ĐHSP
413	211612	Hồ Thị Thu	Thủy	15/07/2001	3180219163	19CVNH2	2	13(A403)	ĐHSP
414	211613	Nguyễn Thị	Thủy	01/07/2004	3160522048	22SCD	2	13(A403)	ĐHSP
415	211614	Nguyễn Thị Phương	Thủy	13/04/1996	3230121218	21SMN4	2	13(A403)	ĐHSP
416	211615	Phạm Thị Thanh	Thủy	02/01/2004	3170422088	22CBC2	2	14(B401)	ĐHSP
417	211616	Lê Thị Cẩm	Tiên	10/08/2004	3180222139	22CVNH1	2	14(B401)	ĐHSP
418	211617	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	16/06/2005	3230123175	23SMN1	2	14(B401)	ĐHSP
419	211618	Đỗ Nhật	Tiến	02/08/2003	3120221297	21CNTT3	2	14(B401)	ĐHSP
420	211619	Phạm Văn	Tiến	13/08/2004	3180222141	22CVNH2	2	14(B401)	ĐHSP
421	211620	Võ Thị	Tính	03/07/2005	3200323075	23CTXH	2	14(B401)	ĐHSP
422	211621	Trần Văn	Toàn	10/10/2002	3160422054	22SAN	2	14(B401)	ĐHSP
423	211622	Bling Thị Hương	Trà	01/05/2005	3220123363	23STH3	2	14(B401)	ĐHSP
424	211623	Nguyễn Nhật Khánh	Trâm	23/05/2004	3200322053	22CTXH	2	14(B401)	ĐHSP
425	211624	Phạm Thị Hoài	Trâm	08/11/2006	3180124015	24SLS	2	14(B401)	ĐHSP
426	211625	Lê Nguyễn Ngọc	Trân	05/10/2004	3190422074	22CDDL	2	14(B401)	ĐHSP
427	211626	Hoàng Thị Huyền	Trang	24/05/2004	3220122286	22STH6	2	14(B401)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
428	211627	Lê Thị Trang	17/11/2004	3170422090		22CBC2	2	14(B401)	ĐHSP
429	211628	Lê Thị Huyền	11/04/2004	3180722099		22SLD2	2	14(B401)	ĐHSP
430	211629	Nguyễn Thị Huyền	10/10/2005	3230123184		23SMN3	2	14(B401)	ĐHSP
431	211630	Nguyễn Thị Huyền	17/01/2005	3180723110		23SLD1	2	14(B401)	ĐHSP
432	211631	Trương Thị Huyền	02/10/2005	3220123388		23STH6	2	14(B401)	ĐHSP
433	211632	Zorâm Thị Thu	18/11/2004	3230122140		22SMN1	2	14(B401)	ĐHSP
434	211633	Huỳnh Thị Mỹ	06/07/2004	3230122141		22SMN3	2	14(B401)	ĐHSP
435	211634	Nguyễn Thị Tô	30/05/2004	3180722102		22SLD1	2	14(B401)	ĐHSP
436	211635	Trà Thị Ái	19/08/2003	3140721085		21SKT1	2	14(B401)	ĐHSP
437	211636	Trần Thị Huyền	24/04/2004	3180722104		22SLD2	2	14(B401)	ĐHSP
438	211637	Y	04/01/2004	3220122303		22STH5	2	14(B401)	ĐHSP
439	211638	Nguyễn Thanh	14/08/2004	3130122055		22SVL	2	14(B401)	ĐHSP
440	211639	Nguyễn Thị Ngọc	08/08/2004	3140722116		22SKT2	2	14(B401)	ĐHSP
441	211640	Phạm Thị Bảo	05/03/2006	3230124195		24SMN1	2	14(B401)	ĐHSP
442	211641	Phạm Thị Thanh	28/02/2006	3230124196		24SMN2	2	14(B401)	ĐHSP
443	211642	Nguyễn Cẩm	02/09/2004	3220122306		22STH3	2	14(B401)	ĐHSP
444	211643	Nguyễn Ngọc	19/07/2003	3160622024		22SGT	2	15(B402)	ĐHSP
445	211644	Trương Thị Cẩm	10/05/2004	3220222058		22STC	2	15(B402)	ĐHSP
446	211645	Nguyễn Thanh	10/02/2002	3170220068		20CVH	2	15(B402)	ĐHSP
447	211646	Phan Anh	13/11/2003	3130121123		21SVL1	2	15(B402)	ĐHSP
448	211647	Trần Hữu	09/10/2003	3120421023		21CNTTC	2	15(B402)	ĐHSP
449	211648	Nguyễn Quang	02/05/2004	3160622025		22SGT	2	15(B402)	ĐHSP
450	211649	Nguyễn Thanh	08/03/2002	3170620023		20CBCC	2	15(B402)	ĐHSP
451	211650	Lê Khánh	02/02/2004	3180722106		22SLD2	2	15(B402)	ĐHSP
452	211651	Hoàng Thị Kim	15/11/2004	3220122309		22STH4	2	15(B402)	ĐHSP
453	211652	Phan Thị Như	20/05/2005	3220223070		23STC	2	15(B402)	ĐHSP
454	211653		U-An-Chi	12/08/2004		22STH3	2	15(B402)	ĐHSP
455	211654	Phạm Ngọc	Uy	05/08/2005		23CTL1	2	15(B402)	ĐHSP
456	211655	Huỳnh Thị Như	Uyên	15/07/2004		22SKT2	2	15(B402)	ĐHSP
457	211656	Nguyễn Thị Lan	Uyên	19/05/2002		20CBCC	2	15(B402)	ĐHSP
458	211657	Trần Thùy Nhã	Uyên	26/10/2004		22CVNH1	2	15(B402)	ĐHSP
459	211658	Trịnh Thị Phương	Uyên	18/09/2004		22SDL	2	15(B402)	ĐHSP
460	211659	Trần Thị Bích	Vân	02/07/2004		22CTL	2	15(B402)	ĐHSP
461	211660	Đinh Lê Hoàng	Văn	20/03/2004		22CVNH1	2	15(B402)	ĐHSP
462	211661	Đặng Tường	Vi	14/06/2004		22STC	2	15(B402)	ĐHSP
463	211662	Lê Thị Tường	Vi	22/08/2002		20SNV4	2	15(B402)	ĐHSP

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
464	211663	Phạm Quỳnh Vi	25/03/2004	3230122152		22SMN2	2	15(B402)	ĐHSP
465	211664	Phan Thị Tường Vi	06/06/2004	3180222161		22CVNH1	2	15(B402)	ĐHSP
466	211665	Trương Hoài Vi	17/11/2004	3230122153		22SMN3	2	15(B402)	ĐHSP
467	211666	Nguyễn Trọng Việt	19/11/2002	3120220278		20CNTT3	2	15(B402)	ĐHSP
468	211667	Lê Thế Vinh	02/12/2004	3110122106		22ST1	2	15(B402)	ĐHSP
469	211668	Phạm Văn Vũ	11/09/2004	3120222158		22CNTT1	2	15(B402)	ĐHSP
470	211669	Trần Nguyên Anh Vũ	10/12/2003	3190422079		22CDDL	2	15(B402)	ĐHSP
471	211670	Nay H' Vuyết	26/08/2004	3230122155		22SMN2	2	15(B402)	ĐHSP
472	211671	Biện Thị Hà Vy	08/07/2004	3180722112		22SLD2	2	16(B403)	ĐHSP
473	211672	Đoàn Thị Quý Vy	21/12/2004	3140722119		22SKT2	2	16(B403)	ĐHSP
474	211673	Mai Yến Vy	19/09/2004	3190422080		22CDDL	2	16(B403)	ĐHSP
475	211674	Nguyễn Hà Vy	16/12/2004	3220122325		22STH3	2	16(B403)	ĐHSP
476	211675	Nguyễn Hoài Vy	10/07/2005	3230123208		23SMN4	2	16(B403)	ĐHSP
477	211676	Nguyễn Nữ Thảo Vy	04/05/2004	3220122326		22STH1	2	16(B403)	ĐHSP
478	211677	Nguyễn Phan Thảo Vy	18/08/2004	3170322070		22CVHH	2	16(B403)	ĐHSP
479	211678	Nguyễn Thị Thuý Vy	08/10/2004	3160522059		22SCD	2	16(B403)	ĐHSP
480	211679	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2004	3170322072		22CVHH	2	16(B403)	ĐHSP
481	211680	Thùy Thị Tường Vy	26/08/2004	3230122158		22SMN2	2	16(B403)	ĐHSP
482	211681	Huỳnh Ngọc Vỹ	01/01/2002	3170120339		20SNV3	2	16(B403)	ĐHSP
483	211682	A Xê	16/02/2004	3180722118		22SLD1	2	16(B403)	ĐHSP
484	211683	Nguyễn Hoàng Duy Xuyên	17/03/2000	3160418031		18SAN	2	16(B403)	ĐHSP
485	211684	Tăng Tấn Y	03/07/2001	3120220056		20CNTT2	2	16(B403)	ĐHSP
486	211685	Ngô Thị Như Ý	01/02/2005	3170423138		23CBC2	2	16(B403)	ĐHSP
487	211686	Trần Thị Như Ý	05/07/2002	3180620015		20CVNHC	2	16(B403)	ĐHSP
488	211687	Nguyễn Thị Hải Yến	17/08/2004	3220123434		23STH1	2	16(B403)	ĐHSP
489	211688	Nguyễn Thị Hải Yến	01/08/2004	3230122159		22SMN3	2	16(B403)	ĐHSP
490	211689	Nguyễn Thị Kim Yến	21/12/2004	3170222093		22CVH	2	16(B403)	ĐHSP
491	211690	Rcom Yusa	24/03/2005	3230123214		23SMN2	2	16(B403)	ĐHSP
492	211691	Lê Văn An	12/11/2004	22115054122102		22DT1	2	16(B403)	ĐHSPKT
493	211692	Nguyễn Hữu An	18/08/2002	2050512200102		20D2	2	16(B403)	ĐHSPKT
494	211693	Trần Thanh An	21/03/2003	22115043122202		22N2	2	16(B403)	ĐHSPKT
495	211694	Nguyễn Hoàng Ân	09/01/2003	21115051220202		21D3	2	16(B403)	ĐHSPKT
496	211695	Nguyễn Hữu Ân	20/07/2000	1811504210401		18DL4	2	16(B403)	ĐHSPKT
497	211696	Trần Ngọc Anh	08/09/2003	21115042120201		21DL2	2	16(B403)	ĐHSPKT
498	211697	Phạm Thế Anh	09/10/2007	25115061125103		25XD1	2	16(B403)	ĐHSPKT
499	211698	Đặng Văn Ánh	13/09/2002	21115055120104		21TDH1	2	16(B403)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
500	211699	Trần Quang Ngọc	Bá	05/11/2004	22115041122105	22C1	2	17(C402)	ĐHSPKT
501	211700	Hoàng Thế	Bảo	14/04/2003	21115043120170	21N1	2	17(C402)	ĐHSPKT
502	211701	Phan Quốc	Bảo	08/05/2006	2415043122106	24N1	2	17(C402)	ĐHSPKT
503	211702	Trương Thế	Bảo	26/07/2002	2050541200105	20DT1	2	17(C402)	ĐHSPKT
504	211703	Lê Đình	Bảo	21/10/2007	25115042125108	25DL1	2	17(C402)	ĐHSPKT
505	211704	Võ Quý	Bảo	26/06/2003	21115051220203	21D3	2	17(C402)	ĐHSPKT
506	211705	Lê Gia	Bảo	09/02/2007	25115053125104	25T1	2	17(C402)	ĐHSPKT
507	211706	Ngô Gia	Bảo	12/07/2004	22115061122104	22XD1	2	17(C402)	ĐHSPKT
508	211707	Bùi Huy	Bảo	14/10/2007	25115041125105	25C1	2	17(C402)	ĐHSPKT
509	211708	Trịnh Văn	Biển	18/04/2002	2050512200108	20D2	2	17(C402)	ĐHSPKT
510	211709	Phạm Khắc	Bình	12/09/2003	21115054120104	21DT1	2	17(C402)	ĐHSPKT
511	211710	Trương Phước Hòa	Bình	21/01/2002	2050441200107	20CĐT1	2	17(C402)	ĐHSPKT
512	211711	Ngô Duy	Bình	14/01/2007	25115064125103	25XH1	2	17(C402)	ĐHSPKT
513	211712	Nguyễn Minh	Cảnh	20/07/2003	21115044120103	21CDT1	2	17(C402)	ĐHSPKT
514	211713	Trần Hữu	Cát	22/09/2002	2050421200110	20DL1	2	17(C402)	ĐHSPKT
515	211714	Nguyễn Xuân	Chiến	09/02/2003	21115043120168	21N1	2	17(C402)	ĐHSPKT
516	211715	Lê Văn	Chinh	29/05/2003	21115043120104	21N1	2	17(C402)	ĐHSPKT
517	211716	Lê Quốc	Chung	08/01/2004	22115055122104	22TDH1	2	17(C402)	ĐHSPKT
518	211717	Đỗ Phạm Minh	Công	10/02/2007	25115052225106	25KTDT1	2	17(C402)	ĐHSPKT
519	211718	Nguyễn Phan Phúc	Công	16/04/2003	21115055120111	21TĐH1	2	17(C402)	ĐHSPKT
520	211719	Nguyễn Văn	Công	19/05/2003	21115061120204	21XD2	2	17(C402)	ĐHSPKT
521	211720	Nguyễn Minh	Danh	18/10/2002	2050531200115	20T1	2	17(C402)	ĐHSPKT
522	211721	Nguyễn Quốc	Đạt	22/09/2003	21115041120110	21C1	2	17(C402)	ĐHSPKT
523	211722	Trần Nguyễn Thành	Đạt	13/01/2006	2415052222210	24D2	2	17(C402)	ĐHSPKT
524	211723	Từ Quốc	Đạt	31/12/2007	25115042125121	25DL1	2	17(C402)	ĐHSPKT
525	211724	Huỳnh Huy	Đạt	18/06/2003	21115061120106	21XD1	2	17(C402)	ĐHSPKT
526	211725	Lê Hoàng Thành	Đạt	20/09/2003	21115041120109	21C1	2	17(C402)	ĐHSPKT
527	211726	Đặng Quốc	Đạt	31/12/2007	25115061125124	25XD1	2	17(C402)	ĐHSPKT
528	211727	Nguyễn Tấn	Điện	25/01/2002	2050421200125	20DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
529	211728	Nguyễn Đình	Đoàn	12/06/2002	2050421200126	20DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
530	211729	Nguyễn Văn	Du	28/06/2003	21115051220209	21D2	2	18(C401)	ĐHSPKT
531	211730	Bùi Đặng Quang	Đức	29/12/2003	21115041120112	21C1	2	18(C401)	ĐHSPKT
532	211731	Huỳnh Minh	Đức	20/10/2003	21115051220112	21D2	2	18(C401)	ĐHSPKT
533	211732	Nguyễn Văn	Đức	24/11/2002	21115043120107	21N1	2	18(C401)	ĐHSPKT
534	211733	Lê Thanh	Đức	07/10/2003	21115044120106	21CDT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
535	211734	Phan Ngọc	Đức	10/12/2004	22115072122103	22MT1	2	18(C401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
536	211735	Vũ Hữu Đức	22/01/2002	2111514110106		21SK1	2	18(C401)	ĐHSPKT
537	211736	Hà Phước Đức	23/01/2003	21115042120111		21DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
538	211737	Phan Công Tài Đức	02/01/2001	1911506110110		19XD1	2	18(C401)	ĐHSPKT
539	211738	Lê Văn Đức	20/02/2003	21115044120107		21CDT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
540	211739	Nguyễn Văn Đức	26/10/2003	21115051220210		21D3	2	18(C401)	ĐHSPKT
541	211740	Lê Mỹ Đức	01/04/2003	21115041120113		21C1	2	18(C401)	ĐHSPKT
542	211741	Nguyễn Hoài Đức	15/06/2001	2050611200107		20XD1	2	18(C401)	ĐHSPKT
543	211742	Trần Văn Đức	17/11/2003	21115061120209		21XD2	2	18(C401)	ĐHSPKT
544	211743	Phạm Tấn Dũng	12/02/2004	22115055122114		22TDH1	2	18(C401)	ĐHSPKT
545	211744	Trương Văn Dương	08/03/2003	21115051220214		21D3	2	18(C401)	ĐHSPKT
546	211745	Trần Bùi Anh Duy	07/06/2003	21115044120212		21CDT2	2	18(C401)	ĐHSPKT
547	211746	Dương Minh Duy	19/02/2002	21115051220115		21D2	2	18(C401)	ĐHSPKT
548	211747	Nguyễn Thanh Duy	20/02/2007	25115053125117		25T1	2	18(C401)	ĐHSPKT
549	211748	Huỳnh Văn Duy	20/06/2003	21115054120108		21DT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
550	211749	Phan Thị Giang	21/03/2004	22115061122216		22XD2	2	18(C401)	ĐHSPKT
551	211750	Nguyễn Văn Trường Giang	12/08/2003	21115051220216		21D2	2	18(C401)	ĐHSPKT
552	211751	Huỳnh Xuân Guyn	22/10/2002	2050531200134		20T1	2	18(C401)	ĐHSPKT
553	211752	Nguyễn Quang Hải	12/07/2003	21115054120110		21DT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
554	211753	Hoàng Quang Hải	28/10/2001	1911504210210		19DL2	2	18(C401)	ĐHSPKT
555	211754	Nguyễn Trương Minh Hải	09/09/2006	25115042125128		25DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
556	211755	Đặng Văn Hải	24/10/2004	22115051222317		22D3	2	18(C401)	ĐHSPKT
557	211756	Lê Ngô Hồng Hạnh	02/09/2004	22115072122105		22MT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
558	211757	Đỗ Văn Hạnh	25/05/2001	21115053120115		21T1	2	18(C401)	ĐHSPKT
559	211758	Lê Ngọc Hào	10/08/2003	21115051220117		21D2	2	18(C401)	ĐHSPKT
560	211759	Phan Thanh Hiền	31/01/2007	25115141125104		25SK1	2	18(C401)	ĐHSPKT
561	211760	Văn Công Hiền	04/01/2003	21115067121106		21KT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
562	211761	Trần Thanh Hiệp	06/08/2004	22115051222119		22D1	2	18(C401)	ĐHSPKT
563	211762	Nguyễn Văn Hiệp	28/08/2004	22115055122223		22TDH2	2	18(C401)	ĐHSPKT
564	211763	Lê Văn Hiệp	21/04/2007	25115042125135		25DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
565	211764	Nguyễn Minh Hiếu	30/04/2003	21115051220119		21D1	2	18(C401)	ĐHSPKT
566	211765	Nguyễn Ngọc Hiếu	27/07/2003	21115061120214		21XD2	2	18(C401)	ĐHSPKT
567	211766	Võ Nguyễn Thị Minh Hiếu	11/02/2003	21115061120216		21XD2	2	18(C401)	ĐHSPKT
568	211767	Nguyễn Hữu Hiếu	08/01/2003	21115044120115		21CDT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
569	211768	Võ Minh Hiếu	08/10/2007	25115041125127		25C1	2	18(C401)	ĐHSPKT
570	211769	Trần Trọng Hiếu	01/06/2003	21115063120110		21XC1	2	18(C401)	ĐHSPKT
571	211770	Nguyễn Kim Hiếu	01/01/2003	21115053120216		21T2	2	18(C401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
572	211771	Huỳnh Quốc	Hiệu	29/01/2003	22115041122222	22C2	2	18(C401)	ĐHSPKT
573	211772	Đỗ Hữu	Hòa	16/06/2002	2050531200144	20T1	2	18(C401)	ĐHSPKT
574	211773	Bùi Minh	Hoàng	16/11/2003	21115041120121	21C1	2	18(C401)	ĐHSPKT
575	211774	Trần Ngọc	Hoàng	19/05/2004	22115055122227	22TDH2	2	18(C401)	ĐHSPKT
576	211775	Đặng Võ	Hoàng	21/12/2003	21115042120118	21DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
577	211776	Lê Thanh	Hoàng	16/09/2003	21115042120120	21DL1	2	18(C401)	ĐHSPKT
578	211777	Lê Minh	Hoàng	30/01/2004	22115054122118	22DT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
579	211778	Nguyễn Văn	Hoàng	15/06/2000	1811504410127	18CDT1	2	18(C401)	ĐHSPKT
580	211779	Nguyễn Văn	Hoàng	17/03/2003	21115051220222	21D3	2	19(C404)	ĐHSPKT
581	211780	Trần Xuân	Hoàng	06/06/2002	2050611200115	20XD1	2	19(C404)	ĐHSPKT
582	211781	Nguyễn Đức Minh	Hoàng	27/11/2007	25115044125139	25CDT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
583	211782	Lê Văn	Hợp	15/01/2005	25115041125133	25C1	2	19(C404)	ĐHSPKT
584	211783	Lê Văn	Huân	22/02/2002	21115055120130	21TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
585	211784	Ngô Văn	Hùng	14/10/2003	21115051220124	21D1	2	19(C404)	ĐHSPKT
586	211785	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/2003	21115051220125	21D2	2	19(C404)	ĐHSPKT
587	211786	Nông Quốc	Hùng	06/07/2002	2050531200154	20T1	2	19(C404)	ĐHSPKT
588	211787	Đặng Khánh	Hưng	18/09/2007	25115041125145	25C1	2	19(C404)	ĐHSPKT
589	211788	Nguyễn Đắc Tuấn	Hưng	29/01/2003	21115061120112	21XD1	2	19(C404)	ĐHSPKT
590	211789	Lê Đình	Huy	21/04/2003	21115043120123	21N1	2	19(C404)	ĐHSPKT
591	211790	Nguyễn Việt Quang	Huy	13/12/2003	21115072120105	21MT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
592	211791	Phan Xuân Hoàng	Huy	21/05/2000	1811505310316	18T3	2	19(C404)	ĐHSPKT
593	211792	Nguyễn Văn	Huy	24/08/2003	21115055120134	21TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
594	211793	Nguyễn	Huy	21/10/2003	21115053120221	21T2	2	19(C404)	ĐHSPKT
595	211794	Nguyễn Xuân	Huy	07/08/2003	21115051220226	21D3	2	19(C404)	ĐHSPKT
596	211795	Đặng Trần Công	Huy	23/07/2007	25115053125143	25T1	2	19(C404)	ĐHSPKT
597	211796	Huỳnh Thị Mỹ	Huyền	19/05/2003	21115073120109	21HTP1	2	19(C404)	ĐHSPKT
598	211797	Nguyễn Vũ	Kha	30/06/2004	22115041122230	22C2	2	19(C404)	ĐHSPKT
599	211798	Nguyễn Trọng	Khang	02/08/2001	1911505310131	19T1	2	19(C404)	ĐHSPKT
600	211799	Nguyễn Quốc	Khang	06/07/2004	22115055122131	22TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
601	211800	Trần Văn	Khang	27/08/2004	22115055122238	22TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
602	211801	Bành Văn	Khánh	22/01/2004	22115041122231	22C2	2	19(C404)	ĐHSPKT
603	211802	Văn Ngọc	Khánh	07/05/2003	21115055120227	21TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
604	211803	Nguyễn Quốc	Khánh	01/05/2003	21115055120136	21TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
605	211804	Nguyễn Hồng Đăng	Khoa	01/11/2003	21115054120124	21DT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
606	211805	Nguyễn Đăng	Khoa	27/07/2004	22115041122232	22C2	2	19(C404)	ĐHSPKT
607	211806	Trần Nam	Khoa	16/08/2003	21115061120220	21XD2	2	19(C404)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
608	211807	Nguyễn Kim Anh	Khoa	06/05/2007	25115044125212	25CDT2	2	19(C404)	ĐHSPKT
609	211808	Nguyễn Trần Nguyên	Khôi	02/05/2002	2050541200138	20DT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
610	211809	Nguyễn Tài	Khương	02/08/2003	21115043120167	21N1	2	19(C404)	ĐHSPKT
611	211810	Bùi Ngọc	Kiên	10/07/2004	22115043122119	22N1	2	19(C404)	ĐHSPKT
612	211811	Nguyễn Hữu Anh	Kiệt	07/08/2007	25115061125211	25XD2	2	19(C404)	ĐHSPKT
613	211812	Trương Xuân	Lập	02/06/2002	2050551200149	20TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
614	211813	Đoàn Quang	Linh	28/04/2007	25115141125110	25SK1	2	19(C404)	ĐHSPKT
615	211814	Trần Trung	Linh	20/07/2003	21115061120250	21XD2	2	19(C404)	ĐHSPKT
616	211815	Trần Văn	Lợi	07/11/1998	21115051220232	21D3	2	19(C404)	ĐHSPKT
617	211816	Nguyễn Văn	Luân	15/05/2003	21115043120134	21N1	2	19(C404)	ĐHSPKT
618	211817	Võ Đức	Lương	30/08/2002	2050611200133	20XD1	2	19(C404)	ĐHSPKT
619	211818	Phan Xuân	Lương	17/07/2003	21115061120247	21XD2	2	19(C404)	ĐHSPKT
620	211819	Hồ Đức	Mạnh	12/05/2003	21115072120109	21MT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
621	211820	Dương Tiến	Minh	04/04/2004	22115041122140	22C1	2	19(C404)	ĐHSPKT
622	211821	Võ Ngọc	Minh	28/09/2003	21115054120131	21DT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
623	211822	Nguyễn Đình	Minh	07/03/2003	21115055120285	21TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
624	211823	Trần Ngọc	Minh	05/02/2007	25115052225138	25KTĐT1	2	19(C404)	ĐHSPKT
625	211824	Lê Quốc	Mùi	13/03/2003	21115041120132	21C1	2	19(C404)	ĐHSPKT
626	211825	Trịnh Đình	Mỹ	13/09/2003	21115055120236	21TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
627	211826	Nguyễn Ngọc Hải	Nam	17/03/2007	25115053125223	25T2	2	19(C404)	ĐHSPKT
628	211827	Lê Minh	Nam	24/02/2004	22115055122247	22TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
629	211828	Từ Thanh	Nam	15/10/2003	21115055120237	21TDH2	2	19(C404)	ĐHSPKT
630	211829	Huỳnh Tấn	Nam	26/05/2003	21115055120148	21TDH1	2	19(C404)	ĐHSPKT
631	211830	Nguyễn Trung	Nam	29/03/2003	21115051220236	21D1	2	19(C404)	ĐHSPKT
632	211831	Nông Hoàng	Nam	15/12/2007	25115044125236	25CĐT2	2	20(A201)	ĐHSPKT
633	211832	Nguyễn Văn Hoài	Nam	16/06/2003	21115055120149	21TĐH1	2	20(A201)	ĐHSPKT
634	211833	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	02/06/2004	22115054122139	22DT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
635	211834	Thái Văn	Ngọc	29/04/2003	21115054120135	21DT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
636	211835	Huỳnh Phan Mỹ	Ngọc	21/07/2003	21115073120115	21HTP1	2	20(A201)	ĐHSPKT
637	211836	Lâm Quang	Nhân	14/07/2003	21115051220145	21D1	2	20(A201)	ĐHSPKT
638	211837	Trần Thành	Nhân	18/02/2007	25115041125213	25C2	2	20(A201)	ĐHSPKT
639	211838	Nguyễn Tuấn	Nhật	28/11/2004	22115041122239	22C2	2	20(A201)	ĐHSPKT
640	211839	Nguyễn Ngọc	Nhật	07/12/2007	25115141125115	25SK1	2	20(A201)	ĐHSPKT
641	211840	Phan Minh	Nhật	06/01/2004	22115053122127	22T1	2	20(A201)	ĐHSPKT
642	211841	Lê Thị Ý	Nhi	04/04/2003	21115073120116	21HTP1	2	20(A201)	ĐHSPKT
643	211842	Lưu Ngọc Yến	Như	08/10/2004	22115053122128	22T1	2	20(A201)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
644	211843	Trần Văn Nhựt	13/03/2003	21115043120140		21N1	2	20(A201)	ĐHSPKT
645	211844	Hà Đức Khang	14/01/2003	21115072120111		21MT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
646	211845	Nguyễn Xuân Ninh	08/03/2003	21115042120272		21DL2	2	20(A201)	ĐHSPKT
647	211846	Bùi Duy Pháp	20/08/2003	21115041120135		21C1	2	20(A201)	ĐHSPKT
648	211847	Nguyễn Xuân Phát	22/01/2002	2050512200207		20D1	2	20(A201)	ĐHSPKT
649	211848	Lê Ngọc Phong	14/01/2004	22115072122110		22MT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
650	211849	Phạm Vũ Phong	25/06/2007	25115041125221		25C2	2	20(A201)	ĐHSPKT
651	211850	Nguyễn Văn Hoài	19/06/2002	2050611200137		20XD1	2	20(A201)	ĐHSPKT
652	211851	Trần Minh Phú	11/01/2005	23115043122128		23N1	2	20(A201)	ĐHSPKT
653	211852	Đỗ Thành Phú	26/04/2001	21115044120141		21CDT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
654	211853	Trần Văn Quang	27/02/2002	21115053120340		21T3	2	20(A201)	ĐHSPKT
655	211854	Võ Bá Phúc	30/10/2000	2050631200111		20XC1	2	20(A201)	ĐHSPKT
656	211855	Nguyễn Tấn Phúc	09/11/2003	21115054120144		21DT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
657	211856	Nguyễn Mạnh Quân	26/06/2007	25115041125230		25C2	2	20(A201)	ĐHSPKT
658	211857	Nguyễn Hồng Quân	11/11/2002	2050531200257		20t2	2	20(A201)	ĐHSPKT
659	211858	Hoàng Anh Quân	13/04/2003	21115051220150		21D1	2	20(A201)	ĐHSPKT
660	211859	Phan Văn Quang	20/01/2003	21115054120179		21DT1	2	20(A201)	ĐHSPKT
661	211860	Huỳnh Kim Quang	28/06/2002	21115041120138		21C1	2	20(A201)	ĐHSPKT
662	211861	Bạch Ngọc Quý	24/02/2003	21115051220152		21D1	3	21(A401)	ĐHSPKT
663	211862	Đàm Phú Quốc	12/10/2002	2050531200261		20T2	3	21(A401)	ĐHSPKT
664	211863	Trần Nhật Quý	26/10/2007	25115042125234		25DL2	3	21(A401)	ĐHSPKT
665	211864	Trần Ngọc Sang	23/01/2003	21115061120228		21XD2	3	21(A401)	ĐHSPKT
666	211865	Doãn Đình Sang	04/02/2003	21115042120147		21DL1	3	21(A401)	ĐHSPKT
667	211866	Đặng Thành Sơn	25/01/2002	2050551200218		20TDH2	3	21(A401)	ĐHSPKT
668	211867	Đinh Bạt Sơn	25/09/2004	22115054122158		22DT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
669	211868	Nguyễn Kim Sơn	23/06/2003	21115051220157		21D1	3	21(A401)	ĐHSPKT
670	211869	Lê Tiến Sỹ	08/09/2004	22115043122134		22N1	3	21(A401)	ĐHSPKT
671	211870	Đặng Ngọc Anh Tài	19/02/2004	22115043122228		22N2	3	21(A401)	ĐHSPKT
672	211871	Nguyễn Tấn Tài	12/12/2004	22115043122135		21N1	3	21(A401)	ĐHSPKT
673	211872	Nguyễn Hữu Tam	14/01/2002	2050531200305		20T3	3	21(A401)	ĐHSPKT
674	211873	Lê Xuân Tân	27/01/2003	21115054120153		21DT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
675	211874	Trần Thanh Tây	22/06/2003	21115055120254		21TDH2	3	21(A401)	ĐHSPKT
676	211875	Ngô Đình Thái	07/05/2003	21115072120115		21MT1	3	21(A401)	ĐHSPKT
677	211876	Lê Hoàng Thái	17/02/2007	25115075125131		25KTHH1	3	21(A401)	ĐHSPKT
678	211877	Lê Văn Thân	08/08/2004	22115063122114		22XC1	3	21(A401)	ĐHSPKT
679	211878	Phạm Viết Thắng	13/07/2003	21115051220251		21D3	3	21(A401)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
680	211879	Trần Trung	Thắng	04/04/2002	2050411200240	20C2	3	21(A401)	ĐHSPKT
681	211880	Võ ĐăNg QuốC	ThắNg	20/08/2004	22115051222231	22D3	3	21(A401)	ĐHSPKT
682	211881	Nguyễn Ngọc	Thắng	20/08/2003	21115061120229	21XD2	3	21(A401)	ĐHSPKT
683	211882	Võ Duy	Thanh	09/10/2003	21115055120258	21TDH2	3	21(A401)	ĐHSPKT
684	211883	Hồ Đức	Thanh	23/10/2004	22115043122231	22N2	3	21(A401)	ĐHSPKT
685	211884	Đoàn Thị	Thanh	25/08/2003	21115055120159	21TĐH1	3	21(A401)	ĐHSPKT
686	211885	Huỳnh Bá	Thành	26/08/2000	1811506120154	18XD1	3	21(A401)	ĐHSPKT
687	211886	Hoàng Xuân	Thành	15/06/2003	21115055120160	21TĐH1	3	21(A401)	ĐHSPKT
688	211887	Trần Duy	Thành	28/11/2003	21115053120348	21T3	3	21(A401)	ĐHSPKT
689	211888	Phan Ngọc Phương	Thảo	06/07/2003	21115073120122	21HTP1	3	21(A401)	ĐHSPKT
690	211889	Lê Thị	Thi	19/03/2003	21115043120149	21N1	3	22(A402)	ĐHSPKT
691	211890	Lê Trung	Thiên	07/11/2003	21115055120162	21TDH1	3	22(A402)	ĐHSPKT
692	211891	Nguyễn Thanh	Thiên	09/09/2007	25115043125233	25N2	3	22(A402)	ĐHSPKT
693	211892	Đoàn Trọng	Thiện	23/01/2003	21115051220160	21D1	3	22(A402)	ĐHSPKT
694	211893	Nguyễn Văn Thanh	Thiện	07/01/2003	21115053120247	21T2	3	22(A402)	ĐHSPKT
695	211894	Võ Văn	Thiệp	10/04/2003	21115055120262	21TDH2	3	22(A402)	ĐHSPKT
696	211895	Đặng Văn	Thịnh	20/08/2003	21115055120164	21TĐH1	3	22(A402)	ĐHSPKT
697	211896	Huỳnh Văn	Thôi	12/01/2003	21115054120163	21DT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
698	211897	Thân Đức	Thống	31/07/2003	21115061120235	21XD2	3	22(A402)	ĐHSPKT
699	211898	Nguyễn Dịu	Thư	24/03/2003	21115053120249	21T2	3	22(A402)	ĐHSPKT
700	211899	Lê Văn	Thuận	31/10/2003	21115073120126	21HTP1	3	22(A402)	ĐHSPKT
701	211900	Trương Văn Khánh	Thuyền	19/03/2007	25115061125328	25XD3	3	22(A402)	ĐHSPKT
702	211901	Huỳnh Trọng	Tín	02/07/2007	25115041125345	25TKMPS1	3	22(A402)	ĐHSPKT
703	211902	Lê Ngọc	Tín	28/10/2004	22115043122237	22N2	3	22(A402)	ĐHSPKT
704	211903	Lê Công	Tín	13/04/2003	21115051220164	21D2	3	22(A402)	ĐHSPKT
705	211904	Phan Công	Tinh	19/04/2004	22115055122269	22TDH2	3	22(A402)	ĐHSPKT
706	211905	Huỳnh Văn	Toàn	24/01/2003	21115053120153	21T1	3	22(A402)	ĐHSPKT
707	211906	Đỗ Quốc	Toàn	08/07/2003	21115042120164	21DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
708	211907	Trần Đức	Tôn	16/09/2000	1911505120243	19D1	3	22(A402)	ĐHSPKT
709	211908	Nguyễn Thanh	Trà	25/03/2004	22115051222345	22D1	3	22(A402)	ĐHSPKT
710	211909	Võ Nguyên	Trai	24/07/2006	2415044122350	24CDT3	3	22(A402)	ĐHSPKT
711	211910	Hồ Thanh	Trào	26/09/2003	21115042120165	21DL1	3	22(A402)	ĐHSPKT
712	211911	Lê Thế	Trì	06/04/2002	2050421200257	20DL2	3	22(A402)	ĐHSPKT
713	211912	Nguyễn Hưng Minh	Triết	20/02/2004	22115054122173	22DT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
714	211913	Nguyễn Văn	Trúc	05/07/2003	21115044120259	21CDT2	3	22(A402)	ĐHSPKT
715	211914	Nguyễn Văn	Trung	16/07/2003	21115051220261	21D2	3	22(A402)	ĐHSPKT

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
716	211915	Đoàn Văn Trung	11/03/2003	21115044120163		21CDT1	3	22(A402)	ĐHSPKT
717	211916	Khổng Minh Trung	10/06/2002	2050611200168		20XD1	3	23(A403)	ĐHSPKT
718	211917	Bùi Đức Trung	07/11/2003	21115041120159		21C1	3	23(A403)	ĐHSPKT
719	211918	Trần Phước Trung	10/07/2007	25115061125335		25XD3	3	23(A403)	ĐHSPKT
720	211919	Nguyễn Công Trung	30/10/2004	22115141122124		22SK1	3	23(A403)	ĐHSPKT
721	211920	Nguyễn Thành Trung	13/08/2002	2050611200169		20XD1	3	23(A403)	ĐHSPKT
722	211921	Phan Tấn Trung	22/09/2002	2050611200170		20XD1	3	23(A403)	ĐHSPKT
723	211922	Nguyễn Sơn Trường	13/01/2003	21115067121116		21KT1	3	23(A403)	ĐHSPKT
724	211923	Ngô Quang Trường	30/08/2003	21115043120155		21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
725	211924	Nguyễn Quang Trường	07/06/2002	2050731200121		20HTP1	3	23(A403)	ĐHSPKT
726	211925	Nguyễn Đình Tuấn	30/05/2002	2050512200238		20D1	3	23(A403)	ĐHSPKT
727	211926	Võ Minh Tuấn	16/01/2004	22115041122260		22C2	3	23(A403)	ĐHSPKT
728	211927	Nguyễn Hữu Lê Tuấn	11/11/2003	21115043120158		21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
729	211928	Lê Công Tuấn	20/06/2003	21115043120160		21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
730	211929	Nguyễn Mạnh Tuấn	04/01/2004	22115053122145		22T1	3	23(A403)	ĐHSPKT
731	211930	Dương Tấn Tùng	29/04/2004	22115041122262		22C2	3	23(A403)	ĐHSPKT
732	211931	Phạm Đình Ưu	20/12/2003	21115055120273		21TĐH2	3	23(A403)	ĐHSPKT
733	211932	Lê Viết Việt	11/09/2004	22115042122171		22DL1	3	23(A403)	ĐHSPKT
734	211933	Mai Văn Việt	19/03/2007	25115055125447		25TDH3	3	23(A403)	ĐHSPKT
735	211934	Huỳnh Tấn Việt	01/01/2003	21115043120161		21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
736	211935	Phạm Trung Việt	10/12/2003	21115041120259		21C2	3	23(A403)	ĐHSPKT
737	211936	Lê Trương Quốc Việt	29/10/2007	25115041125262		25C2	3	23(A403)	ĐHSPKT
738	211937	Trần Duy Vinh	21/07/2003	21115053120358		21T3	3	23(A403)	ĐHSPKT
739	211938	Phạm Ngọc Vũ	30/05/2003	21115043120163		21N1	3	23(A403)	ĐHSPKT
740	211939	Phùng Văn Vũ	06/05/2005	23115053122150		23T1	3	23(A403)	ĐHSPKT
741	211940	Nguyễn Võ Hoàng Vũ	18/10/2003	21115041120262		21C2	3	23(A403)	ĐHSPKT
742	211941	Nguyễn Thành Xuân	06/05/2000	1811506120267		18XD2	3	23(A403)	ĐHSPKT
743	211942	Nguyễn Ngọc An	30/01/2003	21IT121		21MC	3	23(A403)	ĐHCNTT&TTVH
744	211943	Hoàng Nhật Anh	08/05/2001	20BA060		20EC	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
745	211944	Lương Thị Vân Anh	15/07/2003	21IT122		21JIT	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
746	211945	Nguyễn Đình Anh	19/08/2003	21IT464		21MC	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
747	211946	Nguyễn Thị Trâm Anh	20/01/2004	22BA002		22BA	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
748	211947	Huỳnh Đăng Phương Âu	12/11/2003	21CE067		21CE2	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
749	211948	Phạm Văn Bình	19/05/2003	21IT398		21SE4	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
750	211949	Đặng Bá Chí	28/03/2003	21IT468		21SE4	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
751	211950	Phạm Văn Đan	08/02/2002	20IT258		20AD	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
752	211951	Doãn Cao Danh	29/11/2002	21CE074		21CE2	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
753	211952	Hoàng Hữu Tiến Đạt	18/02/2003	21AD011		21AD	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
754	211953	Nguyễn Mạnh Trường Đạt	27/06/2003	21IT010		21GIT	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
755	211954	Nguyễn Văn Tiến Đạt	23/02/2003	21IT537		21SE2	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
756	211955	Võ Trọng Đạt	18/12/2003	21IT333		21KIT	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
757	211956	Vương Tiến Đạt	20/02/2003	21IT603		21NS	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
758	211957	Nguyễn Thị Kiều Diễm	10/11/2003	21IT194		21SE3	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
759	211958	Đặng Hiền Diệu	04/07/2003	21DA007		21DA	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
760	211959	Trần Viết Đoàn	17/07/2003	21IT336		21KIT	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
761	211960	Bùi Minh Đức	03/02/2003	21IT066		21SE1	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
762	211961	Ngô Bá Đức	03/05/2003	21IT539		21NS	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
763	211962	Nguyễn Anh Đức	11/11/2003	21IT338		21IR	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
764	211963	Nguyễn Minh Đức	02/01/2002	20IT861		20SE5	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
765	211964	Hà Minh Dũng	07/04/2002	20IT204		20SE5	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
766	211965	Lương Minh Dũng	06/01/2003	21IT400		21KIT	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
767	211966	Nguyễn Tô Dương	04/02/2003	21IT401		21SE4	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
768	211967	Đỗ Quốc Duy	03/08/2003	21IT340		21IR	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
769	211968	Trần Khánh Duy	15/08/2003	21CE012		21CE1	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
770	211969	Trần Thanh Hà	07/12/2003	21IT544		21MC	3	24(B401)	ĐHCNTT&TTVH
771	211970	Thái Gia Hân	30/09/2003	21DA010		21DA	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
772	211971	Trương Thị Thu Hằng	24/06/2003	21IT134		21SE1	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
773	211972	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	27/02/2002	20IT313		20GIT	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
774	211973	Lê Thị Mỹ Hậu	20/08/2002	20IT262		20SE5	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
775	211974	Nguyễn Công Hậu	07/07/2003	21IT201		21SE3	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
776	211975	Nguyễn Phúc Hậu	19/08/2003	21IT342		21SE5	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
777	211976	Nguyễn Thanh Hiệp	06/07/2003	21CE016		21CE1	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
778	211977	Đỗ Hữu Hiếu	21/11/2003	21CE017		21CE1	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
779	211978	Lê Văn Hiếu	22/04/2003	21AD021		21AD	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
780	211979	Nguyễn Thế Hiếu	03/05/2003	21IT403		21SE4	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
781	211980	Nguyễn Trung Hiếu	06/08/2003	21IT677		21SE3	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
782	211981	Nguyễn Văn Hiếu	20/11/2003	21IT610		21SE2	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
783	211982	Phan Thị Hồng Hiếu	25/02/2003	21DA013		21DA	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
784	211983	Lê Đức Hiệu	05/10/2002	20IT369		20AD	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
785	211984	Hoàng Văn Hoài	26/05/2003	21IT480		21SE5	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
786	211985	Phạm Thị Thanh Hoài	01/01/2003	21DA014		21DA	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
787	211986	Nguyễn Thanh Hoan	09/08/1999	21IT551		21SE2	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
788	211987	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	29/03/2003	21IT407	21MC	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
789	211988	Phạm Anh	Hoàn	07/10/2003	21IT275	21MC	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
790	211989	Nguyễn Huy	Hoàng	23/07/2002	20IT370	20SE1	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
791	211990	Nguyễn Thanh	Hoàng	14/01/2003	21DA017	21DA	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
792	211991	Trần Anh	Hoàng	27/05/2002	20IT1019	20AD	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
793	211992	Nguyễn Vũ	Huân	13/08/2003	21IT204	21NS	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
794	211993	Nguyễn Văn	Hùng	03/01/2003	21IT614	21SE4	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
795	211994	Trần Công	Hùng	02/12/2003	21IT615	21SE3	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
796	211995	Nguyễn Thắng Bảo	Hưng	02/01/2003	21IT616	21SE3	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
797	211996	Bùi Thị Sông	Hương	10/08/2003	21EL019	21EL	3	25(B402)	ĐHCNTT&TTVH
798	211997	Hồ Thanh	Huy	18/10/2003	21IT142	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
799	211998	Huỳnh Tăng Nhật	Huy	07/10/2003	21IT143	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
800	211999	Lê Nguyễn Quốc	Huy	13/08/2003	21IT280	21SE2	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
801	212000	Nguyễn Quang	Huy	14/04/2003	21IT492	21SE4	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
802	212001	Nguyễn Quốc	Huy	22/10/2003	21IT555	21SE2	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
803	212002	Nguyễn Việt	Huy	22/07/2004	22BA028	22BA	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
804	212003	Nguyễn Việt	Huy	05/07/2003	21IT684	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
805	212004	Phạm Văn	Huy	01/01/2002	20IT433	20SE6	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
806	212005	Trần Cao	Khải	28/12/2002	21IT416	21SE4	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
807	212006	Trương Quốc	Khánh	19/08/2001	19IT168	19IT3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
808	212007	Nguyễn Việt	Khôi	01/05/2003	21IT495	21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
809	212008	Trần Hoàng Gia	Khôi	02/10/2003	21IT496	21NS	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
810	212009	Trương Tuấn	Khuê	10/06/2003	21IT209	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
811	212010	Nguyễn Thị Út	Kiều	14/10/2003	21IT557	21SE2	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
812	212011	Phan Văn	Lai	28/01/2002	20IT1028	20SE1	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
813	212012	Hồ Đắc	Lâm	09/04/2004	22BA035	22BA	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
814	212013	Nguyễn Thị Mai	Lan	21/09/2003	21IT558	21SE1	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
815	212014	Ngô Nguyễn Việt	Linh	27/09/2003	21IT150	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
816	212015	Hoàng Ngọc	Long	07/06/2003	21IT152	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
817	212016	Võ Thị Linh	Na	12/03/2004	22BA050	22BA	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
818	212017	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/10/2003	21IT566	21KIT	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
819	212018	Trần Thị Mỹ	Ngân	19/10/2003	21IT628	21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
820	212019	Lê Quang	Nghĩa	27/09/2003	21IT362	21SE5	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
821	212020	Nguyễn Thị Kết	Nghĩa	20/11/2003	21IT215	21SE3	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
822	212021	Phạm Trung	Nghĩa	03/06/2003	21IT217	21NS	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
823	212022	Bạch Trung	Nguyên	28/03/2002	20IT166	20IR	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
824	212023	Dương Cao	Nguyễn	07/07/2003	21IT429	21SE1	3	26(B403)	ĐHCNTT&TTVH
825	212024	Nguyễn Phong	Nhã	14/05/2003	21DA036	21DA	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
826	212025	Bùi Văn	Nhật	20/03/2003	21IT568	21NS	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
827	212026	Đặng Ngọc Mạnh	Nhật	01/02/2003	21IT434	21KIT	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
828	212027	Huỳnh Phú	Nhuận	16/09/2003	21IT365	21SE5	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
829	212028	Hoàng Thị Hồng	Nhung	04/04/2003	21IT366	21JIT	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
830	212029	Trần Quý	Phát	16/02/2003	21IT633	21SE5	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
831	212030	Hồ Minh	Phi	26/02/2003	21IT634	21IR	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
832	212031	Nguyễn Văn	Phó	07/10/2003	21IT506	21SE5	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
833	212032	Nguyễn An	Phúc	12/03/2002	21IT639	21NS	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
834	212033	Phạm Thị	Phúc	09/01/2003	21AD048	21AD	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
835	212034	Trần Văn	Phúc	23/12/2002	20IT919	20SE3	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
836	212035	Võ Đức	Quà	21/01/2003	21CE041	21CE1	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
837	212036	Lê Quang Anh	Quân	03/03/2003	21IT224	21JIT	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
838	212037	Võ Mạnh	Quân	05/01/2002	20IT712	20SE6	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
839	212038	Lê Đình	Quốc	05/04/2003	21IT372	21SE5	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
840	212039	Võ Nhân	Quý	04/04/2003	21IT165	21MC	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
841	212040	Tôn Nữ Thục	Quyên	13/07/2002	20BA034	20DM	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
842	212041	Phan Thị	Quỳnh	23/06/2003	21AD050	21AD	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
843	212042	Đỗ Hà	Sa	19/02/2002	20IT172	20MC	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
844	212043	Lê Minh	Sang	16/08/2003	21IT645	21SE5	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
845	212044	Lê Xuân	Sang	20/10/2003	22BA087	22BA	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
846	212045	Nguyễn Văn	Sinh	20/01/2003	21IT307	21KIT	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
847	212046	Ngô Hùng	Sở	15/10/2003	21IT231	21SE3	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
848	212047	Trương Thị Minh	Song	10/01/2003	21IT308	21NS	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
849	212048	Nguyễn Trần Tấn	Tài	19/05/2002	21IT648	21NS	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
850	212049	Phạm Chí	Tài	18/02/2004	22BA088	22BA	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
851	212050	Võ Thanh	Tâm	27/09/2003	21IT309	21SE2	3	27(C402)	ĐHCNTT&TTVH
852	212051	Đỗ Thiên	Thắng	01/07/2003	21IT378	21SE5	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
853	212052	Nông Xuân	Thành	12/03/2003	21DA048	21DA	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
854	212053	Trần Thị	Thành	26/05/2003	21AD054	21AD	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
855	212054	Nguyễn Hữu	Thiện	29/03/2002	20IT186	20NS	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
856	212055	Võ Minh	Thiện	02/09/2001	20IT348	20NS	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
857	212056	Võ Đức	Thịnh	07/06/2003	21IT449	21SE4	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
858	212057	Võ Văn	Thuận	02/04/2002	20IT858	20SE5	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
859	212058	Phùng Văn	Thực	01/02/2003	21IT315	21SE2	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
860	212059	Nguyễn Thủy Tiên	04/11/2003	21AD058		21AD	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
861	212060	Trần Công Tiến	04/06/2003	21IT655		21KIT	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
862	212061	Trần Xuân Tiến	13/03/2003	21IT656		21SE3	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
863	212062	Trịnh Văn Tiến	06/06/2002	20IT537		20SE4	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
864	212063	Bùi Duy Tín	10/09/2003	21IT317		21NS	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
865	212064	Cao Văn Tính	22/03/2003	21IT386		21JIT	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
866	212065	Bùi Thị Bích Trâm	16/02/2003	21IT587		21NS	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
867	212066	Nguyễn Ngọc Anh Trâm	19/12/2003	21IT588		21MC	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
868	212067	Trần Ngọc Trâm	18/04/2003	21AD062		21AD	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
869	212068	Trần Thị Minh Trâm	19/08/2003	21IT664		21SE2	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
870	212069	Nguyễn Phước Trí	21/07/2003	21CE054		21CE1	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
871	212070	Nguyễn Văn Trung	07/01/2003	21IT658		21KIT	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
872	212071	Võ Huỳnh Trung	17/03/2003	21IT245		21SE3	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
873	212072	Phan Minh Trường	05/12/2002	20IT130		20AD	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
874	212073	Trương Quốc Tú	03/06/2003	21CE123		21CE2	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
875	212074	Ngô Minh Tuấn	13/05/2002	20IT399		20SE1	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
876	212075	Trần Anh Tuấn	13/04/2003	21CE125		21CE2	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
877	212076	Trịnh Ngọc Anh Tuấn	12/07/2003	21IT249		21SE3	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
878	212077	Hoàng Văn Tùng	01/02/2003	21IT321		21JIT	3	28(C401)	ĐHCNTT&TTVH
879	212078	Trương Thanh Tùng	18/10/2003	21IT458		21KIT	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
880	212079	Đoàn Trương Thanh Tuyển	17/05/2003	21IT593		21SE2	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
881	212080	Lê Thị Kim Tuyền	26/01/2003	21IT660		21MC	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
882	212081	Lê Thị Lan Vi	25/11/2004	22ET060		22ET	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
883	212082	Nguyễn Văn Viên	16/10/2002	21IT662		21KIT	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
884	212083	Bùi Văn Việt	18/10/2003	21CE063		21CE1	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
885	212084	Đặng Quốc Việt	08/02/2003	21IT322		21SE2	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
886	212085	Nguyễn Văn Thành Vinh	12/02/2003	21IT058		21GIT	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
887	212086	Vũ Nguyễn Xuân Vinh	01/01/2003	21ET060		21ET	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
888	212087	Trần Văn Vững	25/07/2003	21CE131		21CE2	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
889	212088	Trương Bá Vương	14/03/2002	21IT059		21GIT	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
890	212089	Doãn Hạ Vy	04/02/2003	21DA066		21DA	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
891	212090	Lương Thuỳ Vy	22/12/2003	21IT596		21IR	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
892	212091	Nguyễn Thị Tường Vy	02/01/2003	21BA266		21DM2	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
893	212092	Phạm Bùi Thế Vy	18/09/2003	21AD070		21AD	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
894	212093	Lê Nhật Xuân	07/01/2002	20IT137		20NS	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH
895	212094	Nguyễn Thị Như Ý	07/05/2003	21AD071		21AD	3	29(C404)	ĐHCNTT&TTVH

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ SV	Nơi sinh	Lớp	Ca	Phòng	SV Trường
896	212095	Lê Thị Bảo Anh	14/05/2003	217720201107	Huế	D21	3	29(C404)	Y Dược
897	212096	Lê Đức Cơ	25/09/2002	207720101011	Đà Nẵng	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
898	212097	Vũ Thị Ngọc Dung	16/02/2002	207720101015	Bình Thuận	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
899	212098	Bùi Đức Duy	31/01/2001	217720201109	Bình Định	D21	3	29(C404)	Y Dược
900	212099	Phan Thị Hạ	15/07/2002	207720101024	Nghệ An	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
901	212100	Cao Hồng Hạnh	29/03/2004	227720301009	Nghệ An	DD22	3	29(C404)	Y Dược
902	212101	Vũ Thị Hiền	24/02/2003	217720201112	Kon Tum	D21	3	29(C404)	Y Dược
903	212102	Huỳnh Minh Hiếu	22/05/2002	207720101030	Đà Nẵng	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
904	212103	Nguyễn Thị Hoàng	08/07/2002	207720101032	Quảng Ngãi	YK20B	3	29(C404)	Y Dược
905	212104	Lê Đăng Hiếu	27/02/2002	207720501228	Quảng Trị	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
906	212105	Phạm Thị Thùy Linh	24/08/2004	227720301021	Đắk Lắk	DD22	3	29(C404)	Y Dược
907	212106	Võ Thị Ái Linh	19/01/2002	207720501230	Huế	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
908	212107	Phạm Thị Trà Mi	13/03/2004	227720301023	Thanh Hóa	DD22	3	29(C404)	Y Dược
909	212108	Lê Trần Kiều Nga	22/09/2004	227720301025	Quảng Ngãi	DD22	3	29(C404)	Y Dược
910	212109	Đào Nguyễn Kim Ngân	21/01/2002	207720501235	Bình Định	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
911	212110	Nay H' Ngoan	16/12/2003	227720301028	Gia Lai	DD22	3	29(C404)	Y Dược
912	212111	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	01/07/2004	227720201022	Thừa Thiên Huế	D22	3	29(C404)	Y Dược
913	212112	Phạm Ánh Nhật	11/04/2002	207720101065	Quảng Ngãi	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
914	212113	Bùi Thị Hạnh Như	04/04/2002	207720101067	Lâm Đồng	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
915	212114	Đặng Thị Quỳnh Như	15/05/2004	227720301032	Quảng Ngãi	DD22	3	29(C404)	Y Dược
916	212115	Đỗ Quỳnh Như	28/01/2004	227720301033	Đồng Nai	DD22	3	29(C404)	Y Dược
917	212116	Ksor H' Phok	04/04/2003	227720301034	Gia Lai	DD22	3	29(C404)	Y Dược
918	212117	Lê Bảo Quân	01/02/2002	207720101074	Huế	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
919	212118	Đinh Minh Sâm	15/08/2002	207720101080	Quảng Ngãi	YK20A	3	29(C404)	Y Dược
920	212119	Phan Anh Sơn	08/01/2002	207720501245	Quảng Ngãi	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
921	212120	Nguyễn Văn Trung Thiên	11/12/2002	207720501250	Đà Nẵng	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
922	212121	Nguyễn Lê Anh Thư	05/10/2002	207720501253	Gia Lai	RHM20	3	29(C404)	Y Dược
923	212122	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/04/2004	227720301037	Quảng Nam	DD22	3	29(C404)	Y Dược
924	212123	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/05/2004	227720301038	Đà Nẵng	DD22	3	29(C404)	Y Dược
925	212124	Nguyễn Trãi	06/09/2003	217720201133	Quảng Ngãi	D21	3	29(C404)	Y Dược
926	212125	Hoàng Thùy Trang	11/01/2004	227720301040	Quảng Bình	DD22	3	29(C404)	Y Dược
927	212126	Phạm Thị Xuân Trúc	02/01/2004	227720301041	Quảng Trị	DD22	3	29(C404)	Y Dược
928	212127	Phạm Phước Vũ	19/06/2002	207720101117	Gia Lai	YK20A	3	29(C404)	Y Dược

Danh sách có 928 thí sinh./.